AN TOÀN NAM VIỆT

NV NAM VIỆT

TÀI LIỆU

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ

CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

lienhe@antoannamviet.com *www.antoannamviet.com*

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ CHỈ HUY TRƯỞNG VÀ CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT LIÊN QUAN

1. Khái quát về chỉ huy trường công trình xây dựng

1.1. Chức năng của Chỉ huy trưởng công trường

- Là người đại diện của nhà thầu tại công trường, được nhà thầu bổ nhiệm chỉ huy trưởng công trình xây dựng
- Là người quyết định mọi việc ở công trường
- Là một trong những đầu mối giao tiếp giữa công ty (của nhà thầu) với các đối tác liên quan đến công trình xây dựng

1.2. Nhiệm vụ của Chỉ huy trưởng công trường

- Điều hành các hoạt động sản xuất, thi công xây dựng công trình đảm bảo các yếu tố:
    - Đạt chất lượng,
    - Đúng tiến độ,
    - Kinh phí sử dụng hợp lý
    - An toàn, vệ sinh môi trường
    - Thay mặt nhà thầu giao tiếp với các đối tác ở công trường

1.3. Quyền hạn của Chỉ huy trưởng công trường

- Điều hành mọi hoạt động của công trường
- Quản lý toàn bộ cơ sở vật chất, kỹ thuật tại công trường
- Kiến nghị cấp trên (Xí Nghiệp, Công ty) cung cấp, bổ sung cơ sở vật chất ở công trường
- Hợp đồng thuê mướn nhân công ngoài hạng
- Mua sắm các vật dụng, vật tư cần thiết, ít tiền, khẩn cấp cho công trình
- Khen thưởng hoặc kỷ luật trên hiện trường các nhân viên cấp dưới

1.4. Trách nhiệm của Chỉ huy trưởng công trường

- Chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của công trường
- Quản lý, sử dụng, bảo vệ và khai thác các tài nguyên của công trường để hoàn thành nhiệm vụ
- Chịu trách nhiệm trước cấp trên (giám đốc xí nghiệp, hoặc giám đốc công ty) về mọi công việc diễn ra ở công trường xây dựng

1.5. Yêu cầu phẩm chất của Chỉ huy trưởng công trường

a) Yêu cầu chung

- Có kiến thức chuyên môn rộng và vững vàng
- Có óc nhận xét và tính các toán qua học
- Có óc tổ chức quản lý - điều hành quyết đoán
- Biết sử dụng các biện pháp cưỡng chế khi cần

AN TOÀN NAM VIỆT www.antoannamviet.com

- Tác phong : linh hoạt, sáng tạo và nguyên tắc

b) Một số yêu cầu cụ thể

- Người Chỉ huy trưởng công trường phải hiểu được quá trình công việc thực hiện một hạng mục, một công trình, một dự án thi công Xây Dựng. Phải biết để hướng dẫn, chỉ dẫn cho cấp dưới thực hiện đúng để kế hoạch đã được đặt ra trước đó.
- Người Chỉ huy trưởng công trường phải biết quản lý kinh tế, cụ thể là quản lý nhân công, quản lý sử dụng xe, máy và quản lý vật tư.
- Quan hệ chặt chẽ với ban QLDA để bảo đảm công tác giám sát, nghiệm thu thực hiện đúng quy trình, tạo điều kiện nghiệm thu thanh quyết toán khối lượng và kinh phí đạt đúng.
- Người Chỉ huy trưởng công trường phải biết điều kiện công trường về: dự trù và điều động nhân lực, xe, máy. Dự trù vật tư - đặt hàng gia công chi tiết, cấu kiện.
- Người Chỉ huy trưởng công trường phải biết lập báo cáo khối lượng công việc ở các tháng hiện, và sẽ thực hiện, đưa ra các giải pháp chỉ huy để hoàn thành các cấp dưới chỉ dẫn.
- Người Chỉ huy trưởng công trường phải biết kiểm tra và kiểm soát công tác bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường.
- Người Chỉ huy trưởng công trường phải biết dự trù chi phí tiền lương, tiền mua vật tư, so sánh kết quả thực hiện với số tiền được thanh toán để nắm sơ bộ và đơn giản thực hiện, báo cáo những kiến nghị kịp thời với cấp trên của mình và với Ban QLDA.

1.6. Phân hạng năng lực Chỉ huy trưởng công trường

a) Chỉ huy trưởng công trường hạng 1

- Có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành phù hợp với loại công trình xây dựng
- Có thời gian liên tục làm công tác thi công xây dựng tối thiểu 7 năm

- Đã là Chỉ huy trưởng công trường của công trình đặc biệt hoặc cấp I hoặc 2 công trình cấp II trung loại.
- Phạm vi hoạt động: được làm chỉ huy công trình đặc biệt, cấp I, II, III và IV công loại;

b) Chỉ huy trưởng công trường hạng 2

- Có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành phù hợp với loại công trình xây dựng
- Có thời gian liên tục làm công tác thi công xây dựng tối thiểu 5 năm
- Đã là Chỉ huy trưởng công trường của công trình cấp II hoặc 2 công trình cấp III trung loại.
- Đối với vùng sâu, vùng xa, những người có trình độ đại học phù hợp và chứng chỉ chuyên ngành xây dựng phù hợp được 2 năm
- Giấy chứng nhận của Hội đồng xét năng lực hạng công trường;
- Phạm vi hoạt động: được làm chỉ huy công trình cấp II, III và IV công loại;

Lưu ý: Đối với cá nhân chưa được xếp hạng thì chỉ làm được chỉ huy trưởng công trình cấp IV, nếu đã làm chỉ huy trưởng 5 công trình cấp IV thì được làm chỉ huy trưởng công trình cấp III công loại.

1.7. Phân loại và phân cấp công trình

1.7.1. Phân hạng tổ chức thi công xây dựng

a) Tổ chức thi công xây dựng có năng lực Hạng 1

- Có chỉ huy trưởng hạng I cùng loại công trình;
- Có đủ kiến trúc sư, kỹ sư thuộc chuyên ngành phù hợp với loại công trình thi công xây dựng
- Có đủ công nhân kỹ thuật có chứng chỉ đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận
- Có thiết bị thi công chuyên yếu để thi công xây dựng công trình;
- Đã thi công xây dựng ít nhất 1 công trình cấp đặc biệt, cấp I hoặc 2 công trình cấp II công loại.

b) Tổ chức thi công xây dựng có năng lực Hạng 2

- Có chỉ huy trưởng hạng I hoặc 2 chỉ huy trưởng công trình cùng loại;
- Có đủ kiến trúc sư, kỹ sư thuộc chuyên ngành phù hợp với loại công trình thi công xây dựng;
- Có đủ công nhân kỹ thuật có chứng chỉ đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận
- Có thiết bị thi công chuyên yếu để thi công xây dựng công trình
- Đã thi công xây dựng ít nhất 1 công trình cấp II hoặc 2 công trình cấp III công loại.

1.7.2. Phạm vi hoạt động của Tổ chức thi công xây dựng

- Hạng 1: được thi công xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III và cấp IV công loại;
- Hạng 2: được thi công xây dựng công trình từ cấp II, cấp III, cấp IV cùng loại
- Đối với các tổ chức chưa đủ điều kiện xếp hạng thì chỉ được thi công xây dựng công trình cấp 4, sau khi thi công được 3 công trình cấp 3 thì được nâng lên hạng 2.

AN TOÀN NAM VIỆT www.antoannamviet.com

Lưu ý: Đối với các tổ chức chưa được xếp hạng thì chỉ được thi công xây dựng công trình của điều kiện xếp hạng, nếu đã thi công xong 3 công trình cấp IV thì được nâng lên làm tổ chức thi công xây dựng công trình cấp III cùng loại.

---

2. Luật xây dựng và các văn bản hướng dẫn luật

2.1. Những nội dung cơ bản của Luật Xây dựng

Việc thể chế hóa Luật nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành các hoạt động xây dựng theo hướng vừa bảo đảm tính cạnh tranh, hội nhập của ngành xây dựng vào nền kinh tế trong khu vực, vừa bảo đảm tuân thủ các quy định đã được Chính phủ và các Bộ, ngành cụ thể hóa trong các Nghị định, Quyết định, Thông tư hướng dẫn. Hệ thống các văn bản trên, lần đầu tiên đã xác lập khung pháp lý tương đối hoàn chỉnh, đồng bộ nhằm điều tiết hoạt động xây dựng trên lãnh thổ Việt nam.

2.1.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và kết cấu của Luật Xây dựng

a) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Luật Xây dựng điều chỉnh các quan hệ xã hội nảy sinh trong hoạt động xây dựng giữa các tổ chức, cá nhân; quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình và hoạt động xây dựng. Các tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư xây dựng công trình và hoạt động xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ các quy định của Luật Xây dựng. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với Luật Xây dựng thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

b) Kết cấu Luật Xây dựng

Luật Xây dựng với 10 chương, 168 điều gồm những quy định chung về hoạt động xây dựng; quy hoạch xây dựng; dự án đầu tư xây dựng công trình; khảo sát, thiết kế xây dựng; xây dựng công trình; lựa chọn nhà thầu và hợp đồng xây dựng; quản lý nhà nước về xây dựng; khen thưởng, xử lý vi phạm và điều khoản thi hành.

2.1.2. Hoạt động xây dựng

Trong các dự án đầu tư xây dựng, hoạt động xây dựng là việc tạo lập nên sản phẩm xây dựng theo thiết kế được duyệt. Các hoạt động xây dựng cụ thể có mối liên quan chặt chẽ với nhau; mặt khác, các hoạt động xây dựng có thể thực hiện đan xen với nhiều chi tiết thực hiện dần dần. Do đó, hiểu rõ Luật Xây dựng, cần tiếp cận, nắm bắt được các nguyên tắc, nội dung, yêu cầu và quy định của pháp luật đối với hoạt động xây dựng cụ thể. Hoạt động xây dựng bao gồm lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát xây dựng, thiết kế.

a) Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động xây dựng

Để hoạt động xây dựng thực sự phát huy hiệu quả, khi tham gia các hoạt động xây dựng, các chủ thể cần thiết phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau đây:

a1. Tuân thủ quy hoạch, kiến trúc, bảo vệ môi trường, phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm văn hóa, xã hội

Quy hoạch xây dựng là cơ sở để triển khai các hoạt động xây dựng, kiểm soát quá trình phát triển đô thị và các khu chức năng, bảo đảm trật tự, kỷ cương trong hoạt động xây dựng, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường. Các yêu cầu về quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan, môi trường nhằm định hướng việc xây dựng có trọng tâm, trọng điểm, tạo lập sự cân bằng giữa môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, đảm bảo sự hài hòa trong việc tổ chức không gian và sự đồng bộ việc kết nối các công trình hạ tầng kỹ thuật. Hoạt động xây dựng cũng đòi hỏi phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm văn hóa, xã hội từng vùng nhằm khai thác hài hòa các nguồn lực, tạo cơ sở phát triển bền vững về kinh tế - xã hội của vùng, miền.

a2. Tuân thủ quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn xây dựng

Quy chuẩn xây dựng và tiêu chuẩn xây dựng là các công cụ quan trọng để quản lý hoạt động xây dựng. Quy chuẩn xây dựng là các quy định bắt buộc áp dụng trong hoạt động xây dựng do cơ quản quản lý nhà nước có thẩm quyền về xây dựng ban hành còn tiêu chuẩn xây dựng là các quy định về chuẩn mực kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, trình tự thực hiện các công việc, các chỉ tiêu, các chỉ số kỹ thuật và các chỉ số tự nhiên được tổ chức, cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc công nhận để áp dụng trong hoạt động xây dựng. Việc tuân thủ quy chuẩn xây dựng và tiêu

chuẩn xây dựng là cơ sở tăng cường hiệu quả quản lý Nhà nước và xây dựng; giúp các chủ đầu tư, nhà thầu sử dụng tiết kiệm, hợp lý các nguồn lực, đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn công trình và tính đồng bộ trong từng công trình, toàn dự án.

a3. Bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn công trình, tính mạng con người và tài sản

Chất lượng, tiến độ, an toàn công trình, tính mạng con người và tài sản là các yếu cầu quan trọng khi đầu tư xây dựng công trình. Do công trình xây dựng thường có quy mô lớn, đòi hỏi huy động nhiều nguồn lực, có khả năng tác động, ảnh hưởng lớn tới khu vực không gian xung quanh...nên vấn đề chất lượng, tiến độ và an toàn trong xây dựng có ý nghĩa rất lớn. Việc đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn khi xây dựng công trình không những là yêu cầu mà còn là trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng, đặc biệt đối với chủ đầu tư và nhà thầu.

a4. Bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả kinh tế, đồng bộ trong từng công trình, trong toàn dự án

Hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng công trình là vấn đề quan trọng cần được xem xét trước khi quyết định đầu tư. Mục tiêu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế, tạo lập tính đồng bộ trong từng công trình, toàn dự án đòi hỏi các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng phải thực hiện theo những phương pháp khoa học về tính toán hiệu quả kinh tế-xã hội của dự án, về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, về giám sát thi công, về quản lý dự án....

b) Lập quy hoạch xây dựng

b1. Quy hoạch xây dựng là việc tổ chức không gian đô thị và điểm dân cư nông thôn, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; tạo lập môi trường sống thích hợp cho người dân sống tại các vùng lãnh thổ, bảo đảm kết hợp hài hòa giữa lợi ích quốc gia với lợi ích cộng đồng, đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường. Quy hoạch xây dựng được thể hiện thông qua đồ án quy hoạch xây dựng bao gồm sơ đồ, bản vẽ, mô hình và thuyết minh. Quy hoạch xây dựng bao gồm quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.

Trong toàn bộ các hoạt động xây dựng thì quy hoạch xây dựng là hoạt động diễn ra trước tiên, mang tính định hướng, là cơ sở để quản lý và thực hiện các hoạt động xây dựng tiếp theo. Quy hoạch xây dựng do Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập và phê duyệt.

b2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch xây dựng trong địa giới hành chính do mình quản lý theo phân cấp, làm cơ sở quản lý các hoạt động xây dựng, triển khai đầu tư đầu tư xây dựng và xây dựng công trình. Trong trường hợp Ủy ban nhân dân các cấp không đủ điều kiện năng lực thực hiện lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng, đồ án quy hoạch xây dựng, điều chỉnh quy hoạch xây dựng thì mời chuyên gia, thuê tư vấn để thực hiện. Mọi tổ chức, cá nhân phải tuân theo quy hoạch xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b3. Quy hoạch xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu chung sau đây:

- Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển của các ngành khác, quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch chi tiết xây dựng phải phù hợp với quy hoạch chung xây dựng; bảo đảm quốc phòng, an ninh, tạo ra động lực phát triển kinh tế - xã hội;
- Tổ chức, sắp xếp không gian lãnh thổ trên cơ sở khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đất đai và các nguồn lực phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm lịch sử, kinh tế - xã hội, tiến bộ khoa học và công nghệ của đất nước trong từng giai đoạn phát triển;
- Tạo lập được môi trường sống tiện nghi, an toàn và bền vững; thỏa mãn các nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của nhân dân; bảo vệ môi trường.

c) Lập dự án đầu tư xây dựng công trình

c1. Dự án đầu tư xây dựng công trình

Trên cơ sở quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển ngành và kế hoạch đầu tư được duyệt, chủ đầu tư tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình để làm rõ về sự cần thiết và hiệu quả đầu tư xây dựng công trình. Việc đầu tư xây dựng công trình nhằm tạo cơ sở vật chất, kỹ thuật cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân với các hình thức xây mới, khôi phục, cải tạo và nâng cấp các tài sản cố định của xã hội.

- Dự án đầu tư xây dựng công trình là tập hợp các đề xuất có liên quan đến việc bỏ vốn để xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo những công trình xây dựng nhằm mục đích phát triển, duy trì và nâng cao chất lượng công trình hoặc sản phẩm, dịch vụ trong một thời hạn nhất định. Dự án đầu tư xây dựng công trình bao gồm phần thuyết minh và phần thiết kế cơ sở. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình quy mô nhỏ, đơn giản và các công trình tôn giáo thì chỉ lập Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình trong đó bao gồm các yêu cầu, nội dung cơ bản theo quy định.
- Các dự án đầu tư xây dựng công trình được phân loại như sau:
    - Theo quy mô và tính chất, bao gồm: dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội thông qua chủ trương và cho phép đầu tư; các dự án còn lại được phân thành 3 nhóm A, B, C;
    - Theo nguồn vốn đầu tư, bao gồm: Dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước; dự án sử dụng vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước; dự án sử dụng vốn khác bao gồm cả vốn tư nhân hoặc sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn.
- Việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, bảo đảm an ninh, an toàn xã hội và an toàn môi trường, phù hợp với các quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan. Tuỳ theo nguồn vốn sử dụng cho dự án, nhà nước thực hiện việc quản lý các dự án theo các quy định sau:
    - Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước kể cả các dự án thành phần, Nhà nước quản lý toàn bộ quá trình đầu tư xây dựng từ việc xác định chủ trương đầu tư, lập dự án, quyết định đầu tư, lập thiết kế, tổng dự toán, lựa chọn nhà thầu, thi công xây dựng đến khi nghiệm thu, bàn giao và đưa công trình vào khai thác sử dụng. Người quyết định đầu tư có trách nhiệm bố trí đủ vốn theo tiến độ thực hiện dự án, nhưng không quá 2 năm đối với dự án nhóm C, 4 năm đối với dự án nhóm B. Các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định theo phân cấp, phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;
    - Đối với dự án sử dụng vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước và vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp Nhà nước thì Nhà nước

chủ quản lý về chủ trương và quy mô đầu tư. Doanh nghiệp có dự án tự chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và quản lý dự án theo các quy định của pháp luật có liên quan;

- Đối với các dự án sử dụng vốn khác bao gồm cả vốn tư nhân, chủ đầu tư tự quyết định hình thức và nội dung quản lý dự án. Đối với các dự án sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau thì các bên góp vốn thỏa thuận về phương thức quản lý hoặc quản lý theo quy định đối với nguồn vốn có tỷ lệ % lớn nhất trong tổng mức đầu tư.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ
CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Cấp cho ông/bà:
Sinh ngày:
Nơi sinh: ĐỒNG THÁP
Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ:
CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
Tổ chức từ 23/09/2023 đến 30/09/2023
Xếp loại: Khá
Tp.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2023
Số:

c2. Mối liên quan giữa công trình xây dựng và dự án; loại, cấp công trình xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình, thi công xây dựng công trình

- Dự án đầu tư xây dựng công trình có thể có một hoặc nhiều công trình xây dựng; các công trình thuộc dự án có thể khác nhau về loại và cấp công trình. Trường hợp dự án có một công trình thì dự án đồng thời là công trình. Công trình xây dựng là sản phẩm được tạo thành bởi sức lao động của con người, vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình, được liên kết định vị với đất, có thể bao gồm cả phần dưới mặt đất, phần trên mặt đất, phần dưới mặt nước và phần trên mặt nước, được xây dựng theo thiết kế.
- Các công trình xây dựng được phân thành loại và cấp. Loại công trình xây dựng được xác định theo công năng sử dụng, bao gồm công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, năng lượng và các công trình khác. Cấp công trình được xác định theo loại công trình căn cứ vào quy mô, yêu cầu kỹ thuật, vật liệu xây dựng công trình và tuổi thọ công trình xây dựng. Mỗi loại công trình được chia thành 5 cấp gồm cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III và cấp IV.

- Luật Xây dựng còn quy định về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cụ thể như sau:
    - Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước, xử lý các chất thải và các công trình khác.
    - Hệ thống công trình hạ tầng xã hội bao gồm các công trình y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao, thương mại, dịch vụ công cộng, cây xanh, công viên, mặt nước và các công trình khác.
- Hệ thống thiết bị lắp đặt vào công trình bao gồm thiết bị công trình và thiết bị công nghiệp. Thiết bị công trình là các thiết bị được lắp đặt vào công trình xây dựng theo thiết kế xây dựng. Thiết bị công nghệ là các thiết bị nằm trong dây chuyền công nghệ được lắp đặt vào công trình xây dựng theo thiết kế công nghệ.
- Việc quản lý, thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình được thực hiện từ các công trình xây dựng của dự án đến toàn bộ dự án. Các quy định cụ thể về tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, khảo sát, thiết kế, thi công, giám sát thi công, điều kiện năng lực, lập và quản lý chi phí...đều gắn với từng loại và cấp công trình xây dựng. Do vậy, hiệu quả quản lý, thực hiện dự án bắt nguồn từ việc quản lý, thực hiện tốt từng công trình của dự án.
- Công trình xây dựng có thể bao gồm các hạng mục như phần ngầm, phần thân, hệ thống kỹ thuật của công trình và hệ thống thiết bị của công trình. Các bộ phận của công trình gồm cột, dầm, sàn, nền, mái....Việc hiểu và thực hiện thống nhất giữa các chi tiết về dự án, công trình, hạng mục công trình, bộ phận công trình có ý nghĩa quan trọng trong việc quản lý, thực hiện và đảm bảo hiệu quả dự án.

c3. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong lập dự án đầu tư xây dựng công trình

- Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư xây dựng công trình
    - Chủ đầu tư xây dựng công trình có quyền được tự thực hiện lập dự án đầu tư xây dựng công trình khi có đủ điều kiện năng lực lập dự án đầu tư xây dựng công trình; đàm phán, ký kết, giám sát thực hiện hợp đồng; yêu cầu các tổ chức liên quan cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình; đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng khi nhà thầu tư vấn lập dự án vi phạm hợp đồng và các quy định khác theo quy định của pháp luật.
    - Chủ đầu tư xây dựng công trình có nghĩa vụ thuê tư vấn lập dự án trong trường hợp không có đủ điều kiện năng lực lập dự án đầu tư xây dựng công trình để tự thực hiện; xác định nội dung nhiệm vụ của dự án đầu tư xây dựng công trình; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến dự án đầu tư xây dựng công trình cho tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; tổ chức nghiệm thu, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt; thực hiện đúng hợp đồng đã cam kết; lưu trữ hồ sơ dự án đầu tư xây dựng công trình; bồi thường thiệt hại do sử dụng tư vấn không phù hợp với điều kiện năng lực lập dự án đầu tư xây dựng công trình, cung cấp thông tin sai lệch; thẩm định, nghiệm thu không theo đúng quy định và những hành vi vi phạm khác gây thiệt hại do lỗi của mình gây ra và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn lập dự án
    - Nhà thầu tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình có quyền yêu cầu chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình; từ chối thực hiện các yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư và các quy định khác theo quy định của pháp luật.

- Nhà thầu tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình chỉ được nhận lập dự án đầu tư xây dựng công trình phù hợp với năng lực hoạt động xây dựng của mình; thực hiện đúng công việc theo hợp đồng đã ký kết; chịu trách nhiệm về chất lượng dự án đầu tư xây dựng công trình được lập; không được tiết lộ thông tin, tài liệu có liên quan đến việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình do mình đảm nhận khi chưa được phép của bên thuê hoặc người có thẩm quyền; bồi thường thiệt hại khi sử dụng các thông tin, tài liệu, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, các giải pháp kỹ thuật không phù hợp và các hành vi vi phạm khác gây thiệt hại do lỗi của mình gây ra và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Quyền và nghĩa vụ của người quyết định đầu tư xây dựng công trình
  - Người quyết định đầu tư xây dựng công trình có quyền không phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khi dự án không đáp ứng mục tiêu và hiệu quả; đình chỉ thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt hoặc đang triển khai thực hiện khi thấy cần thiết; thay đổi, điều chỉnh mục tiêu, quy mô của dự án đầu tư xây dựng công trình và các quyền khác theo quy định của pháp luật.
  - Người quyết định đầu tư xây dựng công trình có nghĩa vụ tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; kiểm tra việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình; chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trong quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, quyết định đình chỉ thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình và các quyết định khác thuộc thẩm quyền của mình và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

d) Khảo sát xây dựng

d1. Khái niệm

Khảo sát xây dựng gồm khảo sát địa hình, khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa chất thủy văn, khảo sát hiện trạng công trình và các công việc khảo sát khác phục vụ cho hoạt động xây dựng. Khảo sát xây dựng chỉ được tiến hành theo nhiệm vụ khảo sát đã được phê duyệt. Tài liệu về khảo sát xây dựng là một trong các căn cứ để lập các loại đồ án quy hoạch xây dựng và thiết kế xây dựng công trình.

Vì vậy, phải thực hiện khảo sát xây dựng để thu thập các số liệu về điều kiện tự nhiên của vùng dự địa điểm xây dựng; các số liệu về hiện trạng công trình; hiện trạng của vùng, địa điểm xây dựng, nhằm phục vụ các công tác: Lập đồ án quy hoạch xây dựng; Lựa chọn, xác định địa điểm xây dựng; vạch tuyến công trình; lập thiết kế công trình; lập giải pháp kỹ thuật thi công xây dựng công trình; dự đoán ảnh hưởng qua lại giữa công trình xây dựng và môi trường thiên nhiên xung quanh trong quá trình xây dựng và sử dụng công trình.

d2. Yêu cầu đối với khảo sát xây dựng

Khảo sát xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu sau đây: Nhiệm vụ khảo sát phải phù hợp với yêu cầu từng loại công việc, từng bước thiết kế; Bảo đảm tính trung thực, khách quan, phản ánh đúng thực tế; Khối lượng, nội dung, yêu cầu kỹ thuật đối với khảo sát xây dựng phải phù hợp với nhiệm vụ khảo sát, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; Đối với khảo sát địa chất công trình còn phải xác định độ xâm thực, mức độ dao động của mực nước ngầm theo mùa để đề xuất các biện

pháp phòng, chống thích hợp. Đối với những công trình quy mô lớn, công trình quan trọng phải có khảo sát quan trắc các tác động của môi trường đến công trình trong quá trình xây dựng và sử dụng.

d3. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong khảo sát xây dựng

- Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư: Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát do nhà thầu thiết kế hoặc nhà thầu khảo sát xây dựng lập và giao nhiệm vụ khảo sát cho nhà thầu khảo sát xây dựng; điều chỉnh nhiệm vụ khảo sát theo đề nghị hợp lý của nhà thầu khảo sát xây dựng, nhà thầu thiết kế và nhà thầu thi công xây dựng; lựa chọn nhà thầu khảo sát xây dựng có đủ điều kiện năng lực để thực hiện công tác khảo sát; phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát do nhà thầu khảo sát xây dựng lập; bàn giao mặt bằng cho nhà thầu khảo sát xây dựng; tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện hợp đồng đã ký kết. Tổ chức nghiệm thu kết quả khảo sát và thanh toán đầy đủ kinh phí cho nhà thầu khảo sát theo hợp đồng đã ký kết.
- Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu thiết kế trong việc khảo sát xây dựng công trình do mình thiết kế: Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng phục vụ cho công tác thiết kế khi có yêu cầu của chủ đầu tư; đề xuất khảo sát bổ sung và lập nhiệm vụ khảo sát bổ sung khi phát hiện những yếu tố khác thường ảnh hưởng trực tiếp đến giải pháp thiết kế; hoặc phát hiện tài liệu khảo sát không đáp ứng được yêu cầu thiết kế; sử dụng thông tin, tài liệu khảo sát xây dựng phục vụ công tác thiết kế phù hợp với nhiệm vụ thiết kế theo các bước được quy định; bồi thường thiệt hại khi xác định sai nhiệm vụ khảo sát xây dựng do mình thực hiện gây ảnh hưởng đến thiết kế công trình và các hành vi vi phạm khác gây thiệt hại do lỗi của mình gây ra.
- Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu khảo sát xây dựng: Chỉ được nhận thực hiện công việc khảo sát xây dựng phù hợp với điều kiện năng lực theo quy định; chủ nhiệm khảo sát có đủ điều kiện năng lực theo quy định, bố trí cán bộ có đủ năng lực thực hiện khảo sát; lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng khi có yêu cầu của chủ đầu tư; lập phương án khảo sát; thực hiện công tác khảo sát theo đúng nhiệm vụ khảo sát xây dựng được giao, phương án khảo sát được duyệt và hợp đồng đã ký kết; đề xuất, bổ sung nhiệm vụ khảo sát xây dựng khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến giải pháp thiết kế; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy trình khảo sát theo phương án đã được chủ đầu tư phê duyệt; ghi chép kết quả theo dõi, kiểm tra vào nhật ký khảo sát xây dựng; bảo vệ môi trường và các công trình xây dựng trong khu vực khảo sát; chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về kết quả khảo sát.

e) Thiết kế xây dựng công trình

e1. Khái niệm

Thiết kế xây dựng công trình có thể được thực hiện một bước, hai bước hoặc ba bước. Thiết kế một bước là thiết kế bản vẽ thi công được áp dụng đối với công trình quy định chỉ phải lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; thiết kế hai bước bao gồm bước thiết kế cơ sở và bước thiết kế bản vẽ thi công được áp dụng đối với công trình quy định phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình (trừ các công trình trong dự án có yêu cầu thiết kế ba bước); thiết kế ba bước bao gồm bước thiết kế cơ sở, bước thiết kế kỹ thuật và bước thiết kế bản vẽ thi công được áp dụng đối với công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng đồng thời là những công trình cấp đặc biệt, cấp I và công trình cấp II có yêu cầu kỹ thuật phức tạp do người quyết định đầu tư quyết định.

Sở dĩ thiết kế được phân thành các bước như vậy là vì các công trình có quy mô, tính chất và độ phức tạp khác nhau, mức độ yêu cầu kỹ thuật và quản lý cũng khác nhau. Các công trình nhỏ, đơn giản thì không nhất thiết phải thực hiện tất cả các bước thiết kế vì các yêu cầu thiết kế có thể được xác định rõ ràng ngay từ đầu. Các công trình có quy mô lớn, các yêu cầu thiết kế chưa thể xác định được đầy đủ ngay từ đầu nên thiết kế cần được chuẩn xác và cụ thể dần qua các bước.

e2. Yêu cầu đối với thiết kế xây dựng công trình

Thiết kế xây dựng công trình phải bảo đảm các yêu cầu chung sau đây: Phù hợp với quy hoạch xây dựng, cảnh quan, điều kiện tự nhiên và các quy định về kiến trúc; phù hợp với thiết kế công nghệ trong trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình có thiết kế công nghệ; nền móng công trình phải bảo đảm bền vững, không bị lún nứt, biến dạng quá giới hạn cho phép làm ảnh hưởng đến tuổi thọ công trình, các công trình lân cận; nội dung thiết kế xây dựng công trình phải phù hợp với yêu cầu của từng bước thiết kế, thoả mãn yêu cầu về chức năng sử dụng; bảo đảm mỹ quan, giá thành hợp lý; an toàn, tiết kiệm, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng; các tiêu chuẩn về phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường và những tiêu chuẩn liên quan; đối với những công trình công cộng phải bảo đảm thiết kế theo tiêu chuẩn cho người tàn tật; đồng bộ trong từng công trình, đáp ứng yêu cầu vận hành, sử dụng công trình; đồng bộ với các công trình liên quan.

e3. Các nội dung cơ bản của từng bước thiết kế

Do mỗi bước thiết kế có yêu cầu khác nhau nên nội dung thiết kế của bước thiết kế đó khác nhau.

- Ở bước thiết kế cơ sở: Thiết kế cơ sở phải thể hiện được các giải pháp thiết kế chủ yếu, bảo đảm đủ điều kiện để xác định tổng mức đầu tư và triển khai các bước thiết kế tiếp sau.
- Ở bước thiết kế kỹ thuật: thiết kế kỹ thuật phải phù hợp với thiết kế cơ sở đã được thẩm định, phê duyệt. Tuy nhiên, phải tính toán cụ thể, làm rõ và thể hiện chi tiết các giải pháp thiết kế, các nội dung đã nêu trong thiết kế cơ sở. Phần bản vẽ thể hiện chi tiết về kích thước, thông số kỹ thuật chủ yếu đủ điều kiện để lập dự toán, tổng dự toán và lập thiết kế bản vẽ thi công công trình xây dựng.
- Ở bước thiết kế bản vẽ thi công: thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công phải giải thích đầy đủ các nội dung mà bản vẽ không thể hiện được để hướng dẫn người trực tiếp thi công thực hiện theo đúng thiết kế. Các bản vẽ phải thể hiện chi tiết tất cả các bộ phận công trình, các cấu tạo với đầy đủ các kích thước, vật liệu và thông số kỹ thuật để thi công chính xác và đủ điều kiện để lập dự toán thi công xây dựng công trình.

e4. Thẩm định, thẩm tra thiết kế

Cơ quan quản lý nhà nước phải thẩm định thiết kế cơ sở để đánh giá sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, với thuyết minh của dự án về quy mô xây dựng, công nghệ, công suất thiết kế, cấp công trình, các số liệu sử dụng trong thiết kế, các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng; sự hợp lý của các giải pháp thiết kế, các tiêu chuẩn được áp dụng trong các giải pháp thiết kế, điều kiện năng lực của tổ chức tư vấn, năng lực hành nghề của các cá nhân lập dự án và thiết kế cơ sở.

- Chủ đầu tư phải thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công để kiểm tra sự phù hợp của thiết kế so với các bước thiết kế trước đã được phê duyệt, sự tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng, đánh giá mức độ an toàn công trình, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ.
- Trường hợp chủ đầu tư không đủ điều kiện năng lực thẩm định thì được thuê các tổ chức, cá nhân tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra thiết kế làm cơ sở cho thẩm định và phê duyệt. Tuỳ theo yêu cầu của chủ đầu tư, việc thẩm tra thiết kế có thể thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nội dung thẩm định thiết kế.
- Sau khi thẩm tra, nếu kết quả thẩm tra không mâu thuẫn với thiết kế thì chủ đầu tư căn cứ vào kết quả thẩm tra để phê duyệt thiết kế. Trường hợp kết quả thẩm tra mâu thuẫn với thiết kế thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thiết kế làm rõ để sửa chữa (nếu cần) trước khi phê duyệt.
- Thẩm định thiết kế theo từng bước thiết kế để làm cơ sở thực hiện các bước thiết kế sau, tránh những sai sót dẫn đến phải sửa đổi thiết kế từ đầu.
- Sự khác nhau giữa thẩm định thiết kế của cơ quan nhà nước với chủ đầu tư là ở chỗ, cơ quan quản lý nhà nước chỉ thẩm định thiết kế cơ sở theo những nội dung liên quan đến quy hoạch xây dựng, sự hợp lý của giải pháp thiết kế, an toàn cộng đồng, an ninh quốc gia... còn chủ đầu tư thẩm định thiết kế các bước sau nhằm đảm bảo phù hợp với bước thiết kế trước đã được phê duyệt, sự hợp lý của giải pháp thiết kế, đảm bảo tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, an toàn công trình, an toàn... trước khi thi công.

e5. Quyền và nghĩa vụ trong thiết kế xây dựng

- Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư
    - Quyền của chủ đầu tư: Được tự thực hiện thiết kế xây dựng công trình khi có đủ điều kiện năng lực hoạt động thiết kế xây dựng công trình theo quy định, đàm phán, ký kết và

giám sát việc thực hiện hợp đồng thiết kế; yêu cầu sửa đổi, bổ sung thiết kế và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

  - Nghĩa vụ của chủ đầu tư: Lựa chọn nhà thầu thiết kế xây dựng công trình trong trường hợp không đủ điều kiện năng lực hoạt động thiết kế xây dựng công trình; xác định nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình; cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu cho nhà thầu thiết kế; thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết; thẩm định, phê duyệt hoặc trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế theo quy định; tổ chức nghiệm thu hồ sơ thiết kế; lưu trữ hồ sơ thiết kế và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình
  - Quyền của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình: Từ chối thực hiện các yêu cầu ngoài nhiệm vụ thiết kế; yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác thiết kế; quyền tác giả đối với thiết kế công trình và các quyền khác theo quy định của pháp luật.
  - Nghĩa vụ của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình: Chỉ được nhận thầu thiết kế xây dựng công trình phù hợp với điều kiện năng lực hoạt động thiết kế xây dựng công trình, năng lực hành nghề thiết kế xây dựng công trình; thực hiện đúng nhiệm vụ thiết kế, bảo đảm tiến độ và chất lượng; chịu trách nhiệm về chất lượng thiết kế do mình đảm nhận; giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng; lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng phục vụ cho công tác thiết kế phù hợp với yêu cầu của từng bước thiết kế; không được chỉ định nhà sản xuất vật liệu, vật tư và thiết bị xây dựng công trình; mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp; bồi thường thiệt hại khi để ra nhiệm vụ khảo sát, sử dụng thông tin, tài liệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, giải pháp kỹ thuật, công nghệ không phù hợp gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình và các hành vi vi phạm khác gây thiệt hại do lỗi của mình gây ra và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

e6. Các hành vi bị cấm trong thiết kế xây dựng:

Cải tạo, mở rộng, sửa chữa lớn, trùng tu, tôn tạo công trình không có thiết kế xây dựng công trình được duyệt theo quy định hoặc xây dựng sai thiết kế được duyệt; hoạt động thiết kế xây dựng sai hoặc không phù hợp với chứng chỉ hành nghề, vượt quá năng lực theo quy định, cho thuê mượn danh nghĩa; hoạt động thiết kế không có chứng chỉ hành nghề.

e) Thi công xây dựng công trình

Thi công xây dựng công trình bao gồm xây dựng và lắp đặt thiết bị đối với các xây dựng công trình mới, sửa chữa, cải tạo, di dời, tu bổ, phục hồi; phá dỡ công trình; bảo hành và bảo trì công trình.

e1. Điều kiện để khởi công xây dựng công trình

Công trình xây dựng chỉ được khởi công khi đáp ứng các điều kiện sau đây: Có mặt bằng xây dựng; có giấy phép xây dựng đối với những công trình theo quy định phải có giấy phép xây dựng; có thiết kế bản vẽ thi công của hạng mục, công trình đã được phê duyệt (đối với công trình lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật thì sau khi Báo cáo được phê duyệt); có hợp đồng xây dựng; đủ nguồn vốn để bảo đảm tiến độ xây dựng công trình theo tiến độ đã được phê duyệt trong dự án đầu tư xây dựng công trình; có biện pháp để bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng.

e2. Giải phóng mặt bằng xây dựng công trình

Việc giải phóng mặt bằng xây dựng phải được lập thành phương án. Phương án giải phóng mặt bằng xây dựng được thể hiện trong dự án đầu tư xây dựng công trình và được phê duyệt đồng thời với phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình. Đối với dự án có nhu cầu tái định cư thì phải lập phương án hoặc dự án tái định cư và phải thực hiện trước khi giải phóng mặt bằng xây dựng. Phạm vi giải phóng mặt bằng xây dựng phải phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng và dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt. Thời hạn giải phóng mặt bằng xây dựng phải đáp ứng theo yêu cầu tiến độ thực hiện dự án đã được phê duyệt hoặc quyết định của người có thẩm quyền.

Việc đền bù tài sản để giải phóng mặt bằng xây dựng phải bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan. Đối với nhà ở của tổ chức, cá nhân phải giải quyết chỗ ở mới ổn định, có điều kiện chỗ ở bằng hoặc tốt hơn chỗ ở cũ, hỗ trợ tạo việc làm, ổn định cuộc sống cho người phải di chuyển, trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa các bên liên quan. Trong trường hợp đền bù tài sản để giải phóng mặt bằng phải bảo đảm vừa xây dựng được công trình mới, vừa chỉnh trang được các công trình mặt phố theo quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt; bảo đảm Nhà nước điều tiết được giá trị chênh lệch về đất sau khi giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng công trình.

e3. Giấy phép xây dựng

Theo quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật Xây dựng thì trước khi khởi công xây dựng công trình chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng. Quy định việc cấp giấy phép xây dựng là để quản lý xây dựng công trình theo quy hoạch xây dựng đã được duyệt, tránh tình trạng xây dựng lộn xộn, xây dựng không theo các chỉ giới xây dựng, kiến trúc đô thị đã được duyệt, đảm bảo các yêu cầu về an toàn cho các công trình lân cận, bảo đảm hành lang bảo vệ đối với các công trình giao thông, thuỷ lợi, đê điều, năng lượng, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử, đồng thời quản lý việc xây dựng không ảnh hưởng đến cảnh quan thiên nhiên, môi trường, cháy nổ, an ninh, quốc phòng.

- Các trường hợp không phải xin giấy phép xây dựng công trình
- Trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, kể cả công trình đã được cơ quan Nhà nước thẩm định thiết kế cơ sở, trừ trường hợp xây dựng những công trình sau đây:
    - Công trình thuộc bí mật Nhà nước; công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp; công trình tạm phục vụ thi công xây dựng công trình chính, bao gồm công trình tạm của chủ đầu tư và công trình tạm của nhà thầu nằm trong sơ đồ tổng mặt bằng công trường xây dựng đã được phê duyệt;
    - Công trình xây dựng theo tuyến không đi qua đô thị nhưng phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt;
    - Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, trừ công trình chỉ lập Báo cáo Kinh tế-Kỹ thuật. Tuy nhiên, trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải gửi kết quả thẩm định thiết kế cơ sở cho cơ quan cấp phép xây dựng để theo dõi, quản lý;
    - Công trình xây dựng thuộc dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu nhà ở có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Các công trình sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong không làm thay đổi kiến trúc, kết cấu chịu lực và an toàn của công trình;
- Công trình hạ tầng kỹ thuật (bao gồm các công trình: nhà máy xử lý rác thải, bãi chôn lấp rác, cấp nước, thoát nước, đường, kênh, mương, ...) có tổng mức đầu tư dưới 7 tỷ đồng thuộc các xã vùng sâu, vùng xa không vi phạm các khu vực bảo tồn di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa.
- Nhà ở riêng lẻ tại vùng sâu, vùng xa không thuộc đô thị; điểm dân cư nông thôn chưa có quy hoạch xây dựng được duyệt.
- Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng công trình: ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I theo phân cấp công trình; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa; công trình trung tâm hội chợ, quảng cáo, tranh hoành tráng thuộc địa giới hành chính do mình quản lý; những công trình trên các tuyến, trục đường phố chính đô thị do ủy ban nhân dân cấp tỉnh đó quy định. ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng các công trình còn lại và nhà ở riêng lẻ đô thị thuộc địa giới hành chính do huyện quản lý, trừ các công trình nêu trên. ủy ban nhân dân xã cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ ở những điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng được duyệt thuộc địa giới hành chính do xã quản lý theo quy định của ủy ban nhân dân huyện.

e4. Yêu cầu đối với công trường xây dựng

Tất cả các công trình xây dựng phải được treo biển báo tại công trường thi công. Nội dung biển báo bao gồm: Tên chủ đầu tư xây dựng công trình, tổng vốn đầu tư, ngày khởi công, ngày hoàn thành; tên đơn vị thi công, tên người chỉ huy trưởng công trường; tên đơn vị thiết kế, tên chủ nhiệm thiết kế; tên tổ chức hoặc người giám sát thi công xây dựng công trình; chủ đầu tư xây dựng công trình, chủ nhiệm thiết kế, tổ chức hoặc người giám sát thi công xây dựng công trình ngoài việc ghi rõ tên, chức danh còn phải ghi địa chỉ liên lạc, số điện thoại.

e5. Quyền và nghĩa vụ các chủ thể trong thi công xây dựng công trình

- Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư:
  - Quyền của chủ đầu tư: Được tự thực hiện thi công xây dựng công trình khi có đủ năng lực hoạt động; đàm phán, ký kết, giám sát việc thực hiện hợp đồng; đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng; đúng thi công, yêu cầu khắc phục hậu quả khi nhà thầu vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn và vệ sinh môi trường; yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp để thực hiện các công việc trong quá trình thi công xây dựng công trình và các quyền khác theo quy định của pháp luật.
  - Nghĩa vụ của chủ đầu tư xây dựng công trình: Lựa chọn nhà thầu có đủ điều kiện năng lực hoạt động phù hợp để thi công xây dựng công trình; tham gia với ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền hoặc chủ trì phối hợp với ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền giải phóng mặt bằng xây dựng để giao cho nhà thầu thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình; kiểm tra biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường; tổ chức nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình; thuê tổ chức tư vấn có đủ năng lực hoạt động xây dựng để kiểm định chất lượng công trình khi cần thiết; xem xét và quyết định các đề xuất liên quan đến thiết kế của nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình; mua bảo hiểm công trình; lưu trữ hồ sơ công trình; bồi thường thiệt hại, chịu trách nhiệm về các quyết định của mình; bảo đảm công trình thi công đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu thi công xây dựng công trình
  - Quyền của nhà thầu thi công xây dựng công trình: Từ chối thực hiện những yêu cầu trái pháp luật; đề xuất sửa đổi thiết kế cho phù hợp với thực tế để bảo đảm chất lượng và hiệu quả công trình; yêu cầu thanh toán theo đúng hợp đồng; dừng thi công xây dựng công trình nếu bên giao thầu không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng đã ký kết gây trở ngại và thiệt hại cho nhà thầu; yêu cầu bồi thường thiệt hại do lỗi của bên thuê xây dựng công trình gây ra và các quyền khác theo quy định của pháp luật.
  - Nghĩa vụ của nhà thầu thi công xây dựng công trình: Thi công xây dựng theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn và vệ sinh môi trường; có nhật ký thi công; kiểm định vật liệu, sản phẩm xây dựng; quản lý công nhân xây dựng trên công trường, bảo đảm an ninh, trật tự, không gây ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh; lập bản vẽ hoàn công, tham gia nghiệm thu công trình; bảo hành công trình; mua các loại bảo hiểm theo quy định của pháp luật về bảo hiểm; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng; chịu trách nhiệm về chất lượng thi công xây dựng công trình do mình đảm nhận và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu thiết kế trong việc thi công xây dựng công trình
  - Quyền của nhà thầu thiết kế trong việc thi công xây dựng công trình: yêu cầu chủ đầu tư xây dựng công trình, nhà thầu thi công xây dựng công trình thực hiện theo đúng thiết kế; từ chối những yêu cầu thay đổi thiết kế bất hợp lý của chủ đầu tư xây dựng công trình; từ chối nghiệm thu công trình, hạng mục công trình khi thi công không theo đúng thiết kế.
  - Nghĩa vụ của nhà thầu thiết kế trong việc thi công xây dựng công trình: cử người có đủ năng lực để giám sát tác giả theo quy định; tham gia nghiệm thu công trình xây dựng theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng công trình; xem xét xử lý theo đề nghị của chủ đầu tư xây dựng công trình về những bất hợp lý trong thiết kế; phát hiện và thông báo

kịp thời cho chủ đầu tư xây dựng công trình về việc thi công sai với thiết kế được duyệt và kiến nghị biện pháp xử lý.

e6. Các hành vi bị cấm khi thi công xây dựng công trình

- Xây dựng công trình nằm trong khu vực cấm xây dựng; xây dựng công trình lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi, đê điều, năng lượng, khu di tích lịch sử - văn hóa và khu vực bảo vệ các công trình khác theo quy định của pháp luật; xây dựng công trình ở khu vực có nguy cơ lở đất, lũ quét, trừ những công trình xây dựng để khắc phục những hiện tượng này.
- Nhà thầu xây dựng bổ trí cán bộ quản lý, người trực tiếp chỉ huy thi công không đủ năng lực hành nghề xây dựng tương ứng với loại, cấp công trình
- Nhận thầu thi công xây dựng công trình vượt quá năng lực hoạt động xây dựng theo quy định
- Cho mượn danh nghĩa nhà thầu; sử dụng danh nghĩa nhà thầu khác để hoạt động xây dựng
- Triển khai thi công xây dựng công trình không đúng với các cam kết theo hồ sơ dự thầu và hợp đồng giao nhận thầu xây dựng công trình
- Thi công xây dựng bộ phận công trình, công trình không có giấy phép xây dựng hoặc sai giấy phép xây dựng; không có thiết kế xây dựng được duyệt hoặc sai thiết kế xây dựng được duyệt
- Thực hiện không đúng quy trình, quy phạm xây dựng gây lún, rạn nứt các công trình lân cận
- Không có biển báo công trường theo quy định; không có biển báo an toàn; không có phương tiện che, chắn an toàn; không có hàng rào bảo vệ an toàn
- Nhà thầu xây dựng có hành vi sử dụng kết quả kiểm tra vật liệu xây dựng hoặc cấu kiện xây dựng của các phòng thí nghiệm chưa được hợp chuẩn
- Sử dụng vật liệu xây dựng; sử dụng cấu kiện xây dựng; sử dụng thiết bị công nghệ nhưng không có chứng chỉ xuất xứ, chứng nhận đủ tiêu chuẩn chất lượng theo quy định
- Không có hệ thống quản lý chất lượng; không tổ chức giám sát thi công xây dựng thi công không đúng thiết kế; thi công không đúng quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn xây dựng làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình hoặc gây sự cố công trình
- Nghiệm thu không; nghiệm thu sai khối lượng; làm sai lệch giá trị thanh toán, quyết toán.

g) Giám sát thi công xây dựng công trình

Mọi công trình xây dựng trong quá trình thi công phải được thực hiện chế độ giám sát. Việc giám sát thi công xây dựng công trình được thực hiện để theo dõi, kiểm tra về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong thi công xây dựng công trình. Chủ đầu tư xây dựng công trình phải thuê tư vấn giám sát hoặc tự thực hiện khi có đủ điều kiện năng lực hoạt động giám sát thi công xây dựng. Người thực hiện việc giám sát thi công xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với công việc, loại, cấp công trình.

g1. Yêu cầu của việc giám sát thi công xây dựng công trình

Việc giám sát thi công xây dựng công trình phải được thực hiện ngay từ khi khởi công xây dựng công trình một cách thường xuyên, liên tục, trung thực, khách quan, không vụ lợi trong quá trình thi công xây dựng. Việc giám sát phải căn cứ vào thiết kế được duyệt, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng.

g2. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể

- Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư xây dựng công trình:
    - Quyền của chủ đầu tư: Được tự thực hiện giám sát khi có đủ điều kiện năng lực giám sát thi công xây dựng; đàm phán, ký kết hợp đồng, theo dõi, giám sát việc thực hiện hợp đồng; thay đổi hoặc yêu cầu tổ chức tư vấn thay đổi người giám sát trong trường hợp người giám sát không thực hiện đúng quy định; đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng và các quyền khác theo quy định của pháp luật.
    - Nghĩa vụ của chủ đầu tư xây dựng công trình: Thuê tư vấn giám sát trong trường hợp không đủ điều kiện năng lực giám sát thi công xây dựng để tự thực hiện; thông báo cho các bên liên quan quyền và nghĩa vụ của tư vấn giám sát; xử lý kịp thời những đề xuất của người giám sát; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã thỏa thuận trong hợp đồng giám sát thi công xây dựng; lưu trữ kết quả giám sát thi công xây dựng; bồi thường thiệt hại khi lựa chọn tư vấn giám sát không đủ điều kiện năng lực, nghiệm thu khối lượng không đúng, sai thiết kế và các hành vi vi phạm khác gây thiệt hại và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình
    - Quyền của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình: Nghiệm thu xác nhận khi công trình đã thi công bảo đảm đúng thiết kế, theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và bảo đảm chất lượng; yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng thực hiện theo đúng hợp đồng; bảo lưu các ý kiến của mình đối với công việc giám sát do mình đảm nhận; từ chối yêu cầu bất hợp lý của các bên có liên quan và các quyền khác theo quy định của pháp luật.
    - Nghĩa vụ của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình: Thực hiện công việc giám sát theo đúng hợp đồng đã ký kết; không nghiệm thu khối lượng không bảo đảm chất lượng và các tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của thiết kế công trình; từ chối nghiệm thu khi công trình không đạt yêu cầu chất lượng; đề xuất với chủ đầu tư xây dựng công

trình những bất hợp lý về thiết kế để kịp thời sửa đổi; mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp; các hành vi vi phạm khác gây thiệt hại và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

g3. Các hành vi bị cấm trong giám sát thi công xây dựng công trình:

Thực hiện giám sát không đúng với cam kết trong hồ sơ dự thầu; giám sát khi không đủ điều kiện năng lực hoặc năng lực không phù hợp; thông đồng, móc ngoặc với nhà thầu trong việc nghiệm thu khối lượng, chất lượng; làm sai lệch hồ sơ, thông tin, dữ liệu trong quá trình giám sát và các hành vi bị cấm của pháp luật có liên quan.

h) Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

Nội dung quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình bao gồm quản lý chất lượng, khối lượng, chi phí, tiến độ, an toàn lao động và môi trường xây dựng. Hình thức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình do người quyết định đầu tư quyết định và được ghi trong Quyết định phê duyệt dự án. Hình thức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình bao gồm: thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc trực tiếp quản lý dự án. Pháp luật xây dựng nghiêm cấm việc quản lý dự án không phù hợp với điều kiện năng lực; nghiêm cấm việc thông đồng, móc ngoặc giữa chủ đầu tư và tổ chức, cá nhân tham gia quản lý dự án để làm sai lệch các nội dung quản lý dự án; lựa chọn nhà thầu tư vấn quản lý dự án không đủ năng lực....

Các nội dung cụ thể về tổ chức quản lý dự án được trình bày tại mục III Chuyên đề này.

2.1.3. Nội dung quản lý Nhà nước về xây dựng

Nội dung quản lý nhà nước về xây dựng bao gồm:

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển các hoạt động xây dựng.
- Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng.
- Ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng.
- Quản lý chất lượng, lưu trữ hồ sơ công trình xây dựng.
- Cấp, thu hồi các loại giấy phép trong hoạt động xây dựng.
- Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng.
- Tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ trong hoạt động xây dựng.
- Đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động xây dựng.
- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng.

Chính phủ là cơ quan thống nhất quản lý nhà nước về xây dựng trong phạm vi cả nước. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về xây dựng. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Xây dựng để thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng trên địa bàn theo phân cấp của Chính phủ.

2.2. Các văn bản hướng dẫn luật

- Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng
- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng
- Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng
- Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý hợp đồng trong hoạt động xây dựng

---

CHƯƠNG 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ THẦU TRONG VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Đối với Hợp đồng tổng thầu

1.1. Tổng thầu thực hiện việc quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

1.2. Tổng thầu thực hiện việc giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định 46/2015/NĐ-CP đối với nhà thầu phụ.

1.3. Tổng thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công việc do mình đảm nhận và do các nhà thầu phụ thực hiện; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, thi công không bảo đảm chất lượng hoặc gây hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi vi phạm khác gây ra thiệt hại.

1.4. Nhà thầu phụ phải chịu trách nhiệm trước tổng thầu về chất lượng phần công việc do mình đảm nhận.

2. Đối với Hợp đồng thi công xây dựng công trình riêng biệt

2.1. Nhà thầu thi công xây dựng công trình có các quyền hạn sau đây

a) Từ chối thực hiện những yêu cầu trái pháp luật;

b) Đề xuất sửa đổi thiết kế cho phù hợp với thực tế để bảo đảm chất lượng và hiệu quả công trình;

c) Yêu cầu thanh toán giá trị khối lượng xây dựng hoàn thành theo đúng hợp đồng

d) Dừng thi công xây dựng công trình nếu bên giao thầu không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng đã ký kết gây trở ngại và thiệt hại cho nhà thầu

đ) Yêu cầu bồi thường thiệt hại do lỗi của bên thuê xây dựng công trình gây ra

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Nhà thầu thi công xây dựng công trình có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết

b) Thi công xây dựng theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn và vệ sinh môi trường;

c) Có nhật ký thi công xây dựng công trình

d) Kiểm định vật liệu, sản phẩm xây dựng

đ) Quản lý công nhân xây dựng trên công trường, bảo đảm an ninh, trật tự, không gây ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh

e) Lập bản vẽ hoàn công, tham gia nghiệm thu công trình

g) Bảo hành công trình

h) Mua các loại bảo hiểm theo quy định của pháp luật về bảo hiểm

i) Bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, thi công không bảo đảm chất lượng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi vi phạm khác gây thiệt hại do lỗi của mình gây ra

k) Chịu trách nhiệm về chất lượng thi công xây dựng công trình do mình đảm nhận

l) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình

1.1. Các yêu cầu cần thực hiện để đảm bảo chất lượng công trình

a. Lựa chọn Nhà thầu xây dựng và Nhà thầu cung cấp vật tư thiết bị đúng quy định

b. Nhà thầu phải thi công bằng công nghệ thích hợp với đặc điểm công trình xây dựng

- Phải thi công thiết kế bản vẽ thi công được duyệt

- Phải thi công đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành Nhà thầu thi công xây dựng và Nhà thầu cung ứng vật tư - thiết bị phải thực hiện đúng hợp đồng thi công và hợp đồng cung ứng hai bên A-B đã ký

c. Nhà thầu phải tự tổ chức giám sát chất lượng nội bộ và chịu trách nhiệm về chất lượng các công việc do mình thực hiện

d. Nhà thầu phải chịu sự giám sát thi công, giám sát cung cấp vật tư - thiết bị từ phía Chủ đầu tư, nhà thiết kế và cả xã hội

1.2. Những quy định hiện hành về quản lý chất lượng thi công công trình

1.2.1. Trình tự thực hiện và quản lý chất lượng thi công xây dựng

a. Lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình.

b. Lập và phê duyệt biện pháp thi công.

c. Kiểm tra điều kiện khởi công xây dựng công trình và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định trước khi khởi công.

d. Tổ chức thi công xây dựng công trình và giám sát, nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng.

e. Kiểm định chất lượng công trình, hạng mục công trình trong các trường hợp quy định tại Nghị định này.

f. Nghiệm thu hạng mục công trình hoặc công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng.

g. Kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng hoàn thành trước khi đưa vào sử dụng.

h. Lập hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng; lưu trữ hồ sơ của công trình theo quy định.

1.2.2. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Lựa chọn các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện thi công xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng công trình (nếu có), thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (nếu có) và các công việc tư vấn xây dựng khác.
2. Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân tham gia hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình cho các nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện.
3. Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định tại Luật Xây dựng.
4. Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình.

AN TOÀN NAM VIỆT www.antoannamviet.com

5. Kiểm tra việc huy động và bố trí nhân lực của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình so với yêu cầu của hợp đồng xây dựng.
6. Kiểm tra và giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình, bao gồm:
    - a) Kiểm tra vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình; thực hiện thí nghiệm kiểm tra chất lượng khi cần thiết;
    - b) Kiểm tra biện pháp thi công trong đó quy định rõ các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình của nhà thầu thi công xây dựng công trình;
    - c) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát nhà thầu thi công xây dựng công trình và các nhà thầu khác triển khai công việc tại hiện trường;
    - d) Yêu cầu nhà thầu thiết kế điều chỉnh khi phát hiện sai sót, bất hợp lý về thiết kế;
    - e) Kiểm tra tài liệu phục vụ nghiệm thu;
    - f) Kiểm tra và xác nhận bản vẽ hoàn công;
7. Thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
8. Tổ chức kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và toàn bộ công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng hoặc khi được cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu;
9. Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng;
10. Tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng.
11. Tạm dừng hoặc đình chỉ thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn.
12. Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong thi công xây dựng công trình và xử lý, khắc phục sự cố công trình theo quy định của Nghị định này.
13. Lập báo cáo hoàn thành đưa công trình xây dựng vào sử dụng hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu và gửi cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng theo quy định tại Nghị định này.

1.2.3. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng

1. Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với quy mô công trình, trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, từng bộ phận đối với việc quản lý chất lượng công trình xây dựng.
2. Phân định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng giữa các bên trong trường hợp áp dụng hình thức tổng thầu thi công xây dựng công trình hoặc tổng thầu thiết kế và thi công xây dựng công trình; tổng thầu thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình; thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình và các hình thức tổng thầu khác (nếu có).
3. Bố trí nhân lực, cung cấp vật tư, thiết bị thi công theo yêu cầu của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.
4. Tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình.
5. Lập và phê duyệt biện pháp thi công trong đó quy định rõ các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình, tiến độ thi công, trừ trường hợp trong hợp đồng có quy định khác.
6. Thực hiện các công tác kiểm tra, thí nghiệm vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình và lắp đặt vào công trình xây dựng theo quy định của tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế và yêu cầu của hợp đồng xây dựng.
7. Thi công xây dựng theo đúng hợp đồng xây dựng, giấy phép xây dựng, thiết kế xây dựng công trình; đảm bảo chất lượng công trình và an toàn trong thi công xây dựng.
8. Thông báo kịp thời cho chủ đầu tư nếu phát hiện bất kỳ sai khác nào giữa thiết kế, hồ sơ hợp đồng và điều kiện hiện trường.

9. Sửa chữa sai sót, khiếm khuyết chất lượng đối với những công việc do mình thực hiện; chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư khắc phục hậu quả sự cố trong quá trình thi công xây dựng công trình; lập báo cáo sự cố và phối hợp với các bên liên quan trong quá trình giám định nguyên nhân sự cố.
10. Lập nhật ký thi công xây dựng công trình theo quy định.
11. Lập bản vẽ hoàn công theo quy định.
12. Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo yêu cầu của chủ đầu tư.
13. Hoàn trả mặt bằng, di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác.

1.2.4. Trách nhiệm của nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung cấp vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện sử dụng cho công trình xây dựng

1. Đảm bảo chất lượng vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện xây dựng theo tiêu chuẩn được công bố áp dụng và các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, đáp ứng được yêu cầu của của thiết kế.
2. Cung cấp cho bên giao thầu đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan tới sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật khác có liên quan; đảm bảo quy định về nhãn mác sản phẩm, hàng hóa.
3. Thực hiện việc chứng nhận hợp quy, hợp chuẩn theo quy định của pháp luật và thực hiện thí nghiệm kiểm tra chất lượng theo yêu cầu của hợp đồng.
4. Thực hiện các thỏa thuận với bên giao thầu về quy trình và phương pháp kiểm tra chất lượng vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện xây dựng trước và trong quá trình sản xuất cũng như trong quá trình cung ứng, sử dụng, lắp đặt vào công trình.

1.2.5. Trách nhiệm của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình

1. Cử người có đủ năng lực theo quy định để thực hiện nhiệm vụ của giám sát trưởng và các chức danh giám sát khác.
2. Lập sơ đồ tổ chức và đề cương giám sát bao gồm nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của các chức danh giám sát, lập kế hoạch và quy trình kiểm soát chất lượng, quy trình kiểm tra và nghiệm thu, phương pháp quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình giám sát thi công xây dựng.
3. Thực hiện giám sát thi công xây dựng theo các quy định của hợp đồng xây dựng, đề cương đã được chủ đầu tư chấp thuận và quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.
4. Nghiệm thu các công việc do nhà thầu thi công xây dựng thực hiện theo yêu cầu của hợp đồng xây dựng.

1.2.6. Trách nhiệm giám sát tác giả của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình (Nghị định 46/ND-CP)

1. Nhà thầu lập thiết kế kỹ thuật đối với trường hợp thiết kế ba bước, nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công đối với trường hợp thiết kế một bước hoặc hai bước cử người đủ năng lực để thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng theo chế độ giám sát không thường xuyên hoặc giám sát thường xuyên nếu có thỏa thuận riêng với chủ đầu tư trong hợp đồng.

AN TOÀN NAM VIỆT www.antoannamviet.com

2. Giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu giám sát thi công xây dựng.
3. Phối hợp với chủ đầu tư khi được yêu cầu để giải quyết các vướng mắc, phát sinh về thiết kế trong quá trình thi công, điều chỉnh thiết kế phù hợp với thực tế thi công xây dựng công trình, xử lý những bất hợp lý trong thiết kế theo yêu cầu của chủ đầu tư.
4. Thông báo kịp thời cho chủ đầu tư và kiến nghị biện pháp xử lý khi phát hiện việc thi công sai với thiết kế được duyệt của nhà thầu thi công xây dựng.
5. Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nếu phát hiện hạng mục công trình, công trình xây dựng không đủ điều kiện nghiệm thu phải có ý kiến kịp thời bằng văn bản gửi chủ đầu tư.

1.2.7. Quản lý an toàn trong thi công xây dựng công trình (Nghị định 46/ND-CP)

1. Trước khi khởi công xây dựng, nhà thầu thi công xây dựng phải lập, phê duyệt thiết kế biện pháp thi công theo quy định, trong đó phải thể hiện được các biện pháp đảm bảo an toàn cho người lao động, thiết bị thi công, công trình chính, công trình tạm, công trình phụ trợ, công trình lân cận, phòng chống cháy nổ và môi trường.
2. Biện pháp thi công phải được nhà thầu thi công xây dựng rà soát định kỳ và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế của công trường.
3. Các biện pháp đảm bảo an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải có cảnh báo để phòng tai nạn.
4. Những người điều khiển máy, thiết bị thi công và những người thực hiện các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được quy định theo pháp luật về an toàn lao động phải được huấn luyện về an toàn lao động và có thẻ an toàn lao động theo quy định.
5. Máy, thiết bị thi công có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định, đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định thì mới được phép hoạt động trên công trường. Khi hoạt động phải tuân thủ quy trình, biện pháp đảm bảo an toàn.
6. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ biện pháp thi công và các giải pháp về an toàn đã được phê duyệt.
7. Người lao động khi tham gia thi công xây dựng trên công trường phải có đủ sức khỏe, được huấn luyện về an toàn và được cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
8. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng hướng dẫn, kiểm tra việc đảm bảo an toàn trong quá trình thi công theo quy định.
9. Khi có sự cố mất an toàn trong thi công xây dựng thì việc giải quyết sự cố tuân theo quy định tại Nghị định 46/2013/NĐ-CP.

1.2.8. Lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng (Nghị định 46/NĐ-CP)

1. Hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình và công trình xây dựng phải được chủ đầu tư lập đầy đủ trước khi đưa hạng mục công trình hoặc công trình vào khai thác, vận hành.
2. Hồ sơ hoàn thành công trình được lập một lần chung cho toàn bộ dự án đầu tư xây dựng công trình nếu các công trình (hạng mục công trình) thuộc dự án được đưa vào khai thác, sử dụng cùng một thời điểm. Trường hợp các công trình (hạng mục công trình) của dự án được đưa vào khai thác, sử dụng ở thời điểm khác nhau thì có thể lập hồ sơ hoàn thành công trình cho riêng từng công trình (hạng mục công trình) đó.
3. Số lượng hồ sơ hoàn thành công trình do chủ đầu tư quyết định trên cơ sở thỏa thuận với các nhà thầu và các bên có liên quan.
4. Lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình thực hiện theo hướng dẫn của pháp luật về lưu trữ.

1.2.9. Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng (Nghị định 46/ND-CP)

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng, bao gồm: Nghiệm thu công việc xây dựng trong quá trình thi công xây dựng; nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng để đưa vào sử dụng. Trong trường hợp cần thiết, chủ đầu tư quy định về việc nghiệm thu đối với các giai đoạn chuyển bước thi công quan trọng của công trình.
2. Trong hợp đồng thi công xây dựng phải quy định rõ về quy trình nghiệm thu. Kết quả nghiệm thu phải được lập thành biên bản.
3. Các bộ phận, hạng mục công trình xây dựng hoàn thành và công trình xây dựng hoàn thành chỉ được phép đưa vào sử dụng sau khi được chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định.
4. Riêng các công trình, hạng mục công trình xây dựng quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Nghị định này còn phải được cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư trước khi đưa vào sử dụng.

1.2.10. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng (Nghị định 46/ND-CP)

1. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình gồm:
    - a) Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra các công trình;
    - b) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra các công trình quy định;
    - c) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức thực hiện kiểm tra các công trình thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.
2. Trước 10 ngày làm việc (đối với công trình cấp II, III và cấp IV) hoặc trước 20 ngày làm việc (đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I) so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng, chủ đầu tư phải gửi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định, báo cáo hoàn thành hạng mục công trình hoặc hoàn thành công trình lập cùng danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình.
3. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm:
    - a) Kiểm tra công trình, hạng mục công trình hoàn thành, kiểm tra sự tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng khi nhận được báo cáo của chủ đầu tư, kiểm tra công tác nghiệm thu các giai đoạn chuyển bước thi công xây dựng quan trọng của công trình khi cần thiết;
    - b) Yêu cầu chủ đầu tư và các bên có liên quan giải trình và khắc phục các tồn tại (nếu có);
    - c) Yêu cầu chủ đầu tư và các bên có liên quan kiểm định chất lượng bộ phận, hạng mục công trình hoặc công trình khi cần thiết;
    - d) Kết luận bằng văn bản về các nội dung kiểm tra trong thời hạn 15 ngày làm việc (đối với công trình cấp III và cấp IV) hoặc 30 ngày làm việc (đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II) kể từ khi nhận được hồ sơ. Nếu quá thời hạn trên mà chủ đầu tư chưa nhận được văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu thì chủ đầu tư được quyền tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. Cơ quan quản lý nhà nước nếu trên chịu trách nhiệm về việc không có kết luận kiểm tra của mình.

CHƯƠNG 4. QUẢN LÝ TIẾN ĐỘ THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC CÔNG TRƯỜNG

1. Quản lý lao động

Quản lý lao động là phương pháp quản lý mang tính hệ thống nhằm đảm bảo phát huy hết năng lực, tính tích cực, sáng tạo của mỗi người của nhà thầu và tận dụng nó một cách có hiệu quả nhất. Nó bao gồm các việc như quy hoạch tổ chức, xây dựng đội ngũ, tuyển chọn nhân viên và xây dựng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với quy mô, yêu cầu và tính chất của công trường xây dựng.

2. Quản lý máy móc thiết bị thi công

2.1. Lựa chọn máy móc, thiết bị thi công phải phù hợp với biện pháp thi công.
2.2. Máy móc, thiết bị chủ yếu để thi công được yêu cầu phải qua kiểm định và đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật của công việc và an toàn vận hành.

3. Quản lý tiến độ thi công xây dựng công trình

3.1. Công trình xây dựng trước khi triển khai phải được lập tiến độ thi công xây dựng. Tiến độ thi công xây dựng công trình phải phù hợp với tổng tiến độ của dự án đã được phê duyệt.
3.2. Đối với công trình xây dựng có quy mô lớn và thời gian thi công kéo dài thì tiến độ xây dựng công trình phải được lập cho từng giai đoạn theo tháng, quý, năm.
3.3. Nhà thầu thi công xây dựng công trình có nghĩa vụ lập tiến độ thi công xây dựng chi tiết, bố trí xen kẽ kết hợp các công việc cần thực hiện nhưng phải đảm bảo phù hợp với tổng tiến độ của dự án.
3.4. Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, tư vấn giám sát và các bên có liên quan có trách nhiệm theo dõi, giám sát tiến độ thi công xây dựng công trình và điều chỉnh tiến độ trong trường hợp tiến độ thi công xây dựng ở một số giai đoạn bị kéo dài nhưng không được làm ảnh hưởng đến tổng tiến độ của dự án.

Trường hợp xét thấy tổng tiến độ của dự án bị kéo dài thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư để đưa ra quyết định việc điều chỉnh tổng tiến độ của dự án.
3.5. Khuyến khích việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng trên cơ sở bảo đảm chất lượng công trình. Trường hợp đẩy nhanh tiến độ xây dựng đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án thì nhà thầu xây dựng được xét thưởng theo hợp đồng. Trường hợp kéo dài tiến độ xây dựng gây thiệt hại thì bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại và bị phạt vi phạm hợp đồng.

CHƯƠNG 5: LỰA CHỌN NHÀ THẦU TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

1. Mục đích, yêu cầu của lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng

1.1. Mục đích của lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng

Việc lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng nhằm chọn được nhà thầu có đủ điều kiện năng lực để cung cấp sản phẩm, dịch vụ xây dựng phù hợp với tính chất công việc, loại và cấp công trình, đáp ứng các yêu cầu của dự án, gói thầu và mang lại hiệu quả cao nhất cho bên mời thầu, dự án.

1.2. Yêu cầu của lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng

Việc lựa chọn nhà thầu, trong đó có đấu thầu, trong hoạt động xây dựng phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

- Đảm bảo được hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng công trình

- Chọn được nhà thầu có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề xây dựng phù hợp với yêu cầu của gói thầu, có phương án kỹ thuật, công nghệ tối ưu, có giá dự thầu hợp lý
- Khách quan, công khai, công bằng, minh bạch, đảm bảo tính cạnh tranh
- Nhà thầu trong nước được hưởng ưu đãi khi tham dự đấu thầu Quốc tế tổ chức tại Việt Nam
- Không vi phạm các hành vi bị pháp luật cấm

2. Các hình thức lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng

Có nhiều cách để lựa chọn nhà thầu như đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp, tự thực hiện, trong đó các hình thức chào hàng cạnh tranh chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa. Người quyết định đầu tư quyết định hình thức lựa chọn nhà thầu cho từng gói thầu trong kế hoạch đầu thầu tùy thuộc vào đặc điểm của gói thầu, điều kiện cụ thể của bên mời thầu về nguồn vốn, chi phí, thời gian cho lựa chọn nhà thầu. Luật Xây dựng quy định 5 hình thức lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng: đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu, thi tuyển và tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng và quy định hình thức tự thực hiện.

2.1. Đấu thầu rộng rãi

2.1.1. Phạm vi áp dụng

Đấu thầu rộng rãi là hình thức lựa chọn nhà thầu không hạn chế số lượng nhà thầu tham dự. Bên mời thầu thông báo mời thầu trên báo đấu thầu, trang thông tin điện tử về đấu thầu và các phương tiện thông tin đại chúng khác để các nhà thầu nếu muốn và có khả năng đều được tham dự. Đây là hình thức lựa chọn nhà thầu được ưu tiên áp dụng trong mọi trường hợp do khả năng đem lại mức độ cạnh tranh cao nhất, đặc biệt đối với các gói thầu sử dụng vốn của các nhà tài trợ quốc tế, họ thường khuyến khích áp dụng hình thức này. Đấu thầu rộng rãi thường được áp dụng trong các trường hợp sau: Bên mời thầu có đủ thời gian để lựa chọn nhà thầu trong phạm vi rộng nhất; Không bắt buộc phải áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác; Bên mời thầu mong muốn tạo điều kiện cạnh tranh cao nhất trong việc lựa chọn nhà thầu.

2.1.2. Quy trình đấu thầu

Đối với hình thức đấu thầu rộng rãi, quy trình đấu thầu được tiến hành như sau:

- Sơ tuyển nhà thầu (nếu có): Căn cứ tính chất, quy mô của gói thầu, việc sơ tuyển nhà thầu được thực hiện trước khi tổ chức đấu thầu rộng rãi các gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, các gói thầu tổng thầu xây dựng (trừ tổng thầu thiết kế) nhằm chọn được các nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm theo yêu cầu của gói thầu để mời tham gia đấu thầu. Người quyết định đầu tư quyết định việc có hay không sơ tuyển nhà thầu trong kế hoạch đấu thầu. Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển. Hồ sơ dự sơ tuyển được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm trong hồ sơ mời sơ tuyển theo phương pháp đạt/không đạt. Các nhà thầu đạt yêu cầu ở bước sơ tuyển được mời vào đấu thầu.
- Lập, phê duyệt hồ sơ mời thầu: Hồ sơ mời thầu được lập theo mẫu do nhà nước quy định. Hồ sơ mời thầu do bên mời thầu lập và phải được chủ đầu tư phê duyệt.

- Thông báo mời thầu: Bên mời thầu thông báo mời thầu trên tờ báo về đấu thầu, trang thông tin điện tử về đấu thầu của cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu và các phương tiện thông tin đại chúng khác để mời các nhà thầu muốn thực hiện gói thầu đến tham dự (không hạn chế số lượng nhà thầu).
- Phát hành hồ sơ mời thầu: Hồ sơ mời thầu sẽ được bán cho các nhà thầu giá tối đa là 1 triệu đồng. Đối với đấu thầu quốc tế, mức giá bán hồ sơ mời thầu được xác định theo thông lệ quốc tế.
- Tiếp nhận, quản lý hồ sơ dự thầu: Bên mời thầu phải tiếp nhận hồ sơ dự thầu trước thời điểm đóng thầu và quản lý hồ sơ dự thầu theo chế độ quản lý hồ sơ "Mật".
- Mở thầu: Lễ mở thầu được tiến hành công khai, với sự có mặt của đại diện các bên có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu. Thông tin chủ yếu của từng nhà thầu được công bố trong lễ mở thầu và được ghi trong biên bản mở thầu.
- Đánh giá hồ sơ dự thầu: Đánh giá hồ sơ dự thầu được tiến hành theo hai bước: đánh giá sơ bộ và đánh giá chi tiết. Đánh giá sơ bộ nhằm chọn được những nhà thầu đáp ứng điều kiện tiên quyết, đáp ứng các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong hồ sơ mời thầu. Đánh giá chi tiết gồm đánh giá về mặt kỹ thuật và đánh giá về mặt tài chính.
- Lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, trình phê duyệt kết quả đấu thầu: Bên mời thầu lập báo cáo về kết quả đấu thầu trình chủ đầu tư. Chủ đầu tư phê duyệt kết quả đấu thầu dựa trên báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu của cơ quan tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả đấu thầu của bên mời thầu.
- Thông báo kết quả đấu thầu: Việc thông báo kết quả đấu thầu được thực hiện ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu của chủ đầu tư.
- Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng: Cơ sở để thương thảo hợp đồng là kết quả đấu thầu được duyệt, mẫu hợp đồng, các nội dung nêu trong hồ sơ dự thầu và giải thích làm rõ của nhà thầu, các nội dung cần được thương thảo hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp thương thảo, hoàn thiện hợp đồng không thành thì chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy kết quả đấu thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo trúng thầu để có cơ sở pháp lý mời vào thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.
- Đối với gói thầu tư vấn thêm bước đàm phán hợp đồng trước khi lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, trình phê duyệt kết quả đấu thầu. Đối với gói thầu xây lắp phức tạp nếu thấy cần thiết thêm bước thương thảo sơ bộ hợp đồng trước khi lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, trình phê duyệt kết quả đấu thầu.

2.2. Đấu thầu hạn chế

2.2.1. Phạm vi áp dụng

Đấu thầu hạn chế là hình thức lựa chọn nhà thầu có hạn chế về số lượng nhà thầu tham dự. Số lượng nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế không ít hơn 5 nhà thầu được cho là có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện gói thầu. Chủ đầu tư phê duyệt danh sách các nhà thầu này. Bên mời thầu gửi thư mời thầu trực tiếp cho các nhà thầu trong danh sách.

Đấu thầu hạn chế thường được áp dụng trong các trường hợp sau: Gói thầu xây lắp có yêu cầu kỹ thuật cao, chỉ có một số nhà thầu nhất định quan tâm và đủ điều kiện năng lực thực hiện gói thầu; gói thầu tư vấn xây dựng; theo yêu cầu của nhà tài trợ.

2.2.2. Quy trình tổ chức đấu thầu

Đấu thầu hạn chế được thực hiện theo các bước sau:

- Chủ đầu tư phê duyệt danh sách các nhà thầu được mời tham dự đấu thầu và gửi thư mời thầu;
- Các bước tiếp theo gồm: Phát hành hồ sơ mời thầu cho các nhà thầu trong danh sách; Tiếp nhận, quản lý hồ sơ dự thầu; Mở thầu; Đánh giá hồ sơ dự thầu; Lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu; Trình phê duyệt kết quả đấu thầu; Thông báo kết quả đấu thầu; Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng, được tiến hành như đối với đấu thầu rộng rãi.

2.3. Chỉ định thầu

2.3.1. Phạm vi áp dụng

Chỉ định thầu là hình thức lựa chọn nhà thầu trong đó bên mời thầu chọn trực tiếp một nhà thầu có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề xây dựng và đáp ứng được các yêu cầu của gói thầu. Hình thức chỉ định thầu áp dụng cho các gói thầu, công trình sau:

- Gói thầu mang tính chất bí mật quốc gia cần chỉ định thầu để đảm bảo yêu cầu về bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật về bảo mật; gói thầu thuộc dự án cấp bách vì lợi ích quốc gia, an ninh an toàn năng lượng do Thủ tướng Chính phủ quyết định khi thấy cần thiết.
- Công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp; sự cố bất khả kháng do thiên tai, địch họa; sự cố cần khắc phục ngay. Trong trường hợp này chủ đầu tư hoặc cơ quan chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình có quyền chỉ định một nhà thầu thực hiện mà không cần phải được người quyết định đầu tư cho phép.
- Công trình tạm: Đây là công trình chỉ được xây dựng và tồn tại trong một thời gian ngắn, bao gồm công trình tạm phục vụ thi công xây dựng công trình chính, công trình và nhà ở riêng lẻ được phép xây dựng có thời hạn trong quy hoạch nhưng chưa giải phóng mặt bằng xây dựng.
- Công trình có tính chất nghiên cứu thử nghiệm;
- Tu bổ, tôn tạo, phục hồi các công trình di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa;
- Gói thầu thi công xây dựng tượng đài, phù điêu, tranh hoành tráng, tác phẩm nghệ thuật gắn với quyền tác giả từ khâu sáng tác đến thi công công trình.
- Gói thầu tư vấn xây lắp có giá trị trong hạn mức được chỉ định thầu hoặc do yêu cầu đặc biệt khác theo quy định của Chính phủ. Đối với các gói thầu này phải bảo đảm việc chỉ định thầu hiệu quả hơn đấu thầu.
- Gói thầu dịch vụ tư vấn lập báo cáo đầu tư; gói thầu tư vấn lập dự án đầu tư trong trường hợp cấp bách và chủ đầu tư đảm bảo xác định rõ được năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu đáp ứng được yêu cầu của gói thầu; gói thầu dịch vụ tư vấn lập qui hoạch.
- Đối với gói thầu thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình hỗ trợ giảm nghèo cho các huyện, xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn: trường hợp cộng đồng dân cư địa phương có thể đảm nhiệm thi giao cho người dân ở địa phương đó thực hiện; trường hợp có nhiều tổ chức đoàn thể tại địa phương có nhu cầu tham gia thi lựa chọn tổ chức đoàn thể để xuất phương án thực hiện hiệu quả nhất.
- Rà phá bom mìn vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công xây dựng công trình theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
- Các gói thầu thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ.
- Tác giả của thiết kế kiến trúc công trình trúng tuyển hoặc được tuyển chọn được bảo hộ quyền tác giả, được chỉ định để thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn lập dự án đầu tư và thiết kế xây dựng khi có đủ điều kiện năng lực theo qui định.

- Các trường hợp đặc biệt khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề xuất của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp có dự án liên quan và báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2.3.2. Quy trình chỉ định thầu

2.3.2.1. Quy trình chỉ định thầu đối với gói thầu có giá gói thầu từ 150 triệu đồng trở lên

- Bên mời thầu lập hồ sơ yêu cầu trình chủ đầu tư phê duyệt.
- Phát hành hồ sơ yêu cầu cho nhà thầu được dự kiến chỉ định thầu.
- Tiếp nhận hồ sơ đề xuất của nhà thầu.
- Đánh giá hồ sơ đề xuất: Bên mời thầu tiến hành đánh giá hồ sơ đề xuất của nhà thầu và đàm phán về các đề xuất của nhà thầu theo yêu cầu trong hồ sơ yêu cầu. Trong quá trình đánh giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu đến thương thảo, giải thích, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung thông tin cần thiết của hồ sơ đề xuất nhằm chứng minh sự đáp ứng của nhà thầu theo yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công của hồ sơ yêu cầu. Nếu nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu thì chủ đầu tư tiến hành chỉ định một nhà thầu khác.
- Lập báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất;
- Trình, thẩm định và phê duyệt kết quả chỉ định thầu. Chủ đầu tư phê duyệt kết quả chỉ định thầu.
- Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng.

2.3.2.2. Quy trình chỉ định thầu đối với gói thầu có giá gói thầu dưới 150 triệu đồng

- Bên mời thầu căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc và giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch đấu thầu chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu. Nội dung dự thảo Hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc, kết quả cần đạt được và giá trị tương ứng.
- Bên mời thầu và nhà thầu tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng
- Trình chủ đầu tư phê duyệt kết quả chỉ định thầu sau khi thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.
- Ký kết hợp đồng.

2.4. Thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng

2.4.1. Phạm vi áp dụng

Công trình công cộng có qui mô lớn, có yêu cầu kiến trúc đặc thù phải được tổ chức thi tuyển hoặc tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình. Người quyết định đầu tư quyết định việc thi tuyển hoặc tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình. Đối với công trình khác thì việc thi tuyển hoặc tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình do chủ đầu tư quyết định.

Sau khi có chủ trương đầu tư, người quyết định đầu tư quyết định tổ chức thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng.

Tổ chức, cá nhân có phương án kiến trúc được chọn để xây dựng công trình được đảm bảo quyền tác giả, được thực hiện lập dự án và các bước thiết kế tiếp theo khi có đủ điều kiện năng lực; nếu

không có đủ điều kiện năng lực thì có thể liên danh với các tổ chức tư vấn thiết kế có đủ điều kiện năng lực để thực hiện. Trường hợp tổ chức, cá nhân có phương án kiến trúc được lựa chọn từ chối thực hiện các bước thiết kế tiếp theo thì chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu phù hợp để thực hiện nhưng quyền tác giả vẫn thuộc về tổ chức, cá nhân có phương án kiến trúc được lựa chọn.

2.4.2. Thi tuyển thiết kế kiến trúc

Người quyết định đầu tư phê duyệt kế hoạch tổ chức thi tuyển; kinh phí thi tuyển; và kết quả thi tuyển. Các hình thức thi tuyển thiết kế kiến trúc bao gồm: thi tuyển theo hình thức hạn chế và thi tuyển theo hình thức rộng rãi.

Qui trình thi tuyển bao gồm: công tác chuẩn bị thi tuyển và công tác thi tuyển.

* **Công tác chuẩn bị thi tuyển**: Hoàn tất các thủ tục pháp lý và thu thập các tài liệu, số liệu, thông tin về kiến trúc, qui hoạch có liên quan đến khu đất xây dựng công trình; Lập kế hoạch thi tuyển và chuẩn bị kinh phí tổ chức thi tuyển; Lập yêu cầu thiết kế; Lập quy chế thi tuyển; Chủ đầu tư có thể thành lập hội đồng đánh giá xếp hạng phương án dự thi hoặc thành lập tổ chuyên gia hoặc mời cơ quan chuyên môn phù hợp để giúp chủ đầu tư đánh giá, xếp hạng các phương án.
* **Công tác thi tuyển**: mời dự thi; đánh giá, xếp hạng các phương án; công bố kết quả và trao giải thưởng.

2.4.3. Tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc: Tuyển chọn phương án là hình thức người quyết định đầu tư lựa chọn một đơn vị tư vấn thiết kế có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm để xuất tối thiểu 3 phương án thiết kế để chủ đầu tư lựa chọn phương án tốt nhất để thiết kế, xây dựng công trình.

2.5. Tự thực hiện

Tự thực hiện là hình thức chủ đầu tư tự tổ chức thực hiện một số hoặc toàn bộ công việc của dự án khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của Luật Xây dựng. Hình thức tự thực hiện áp dụng cho các trường hợp:

- Chủ đầu tư là nhà thầu có đủ điều kiện năng lực để thực hiện các công việc thuộc dự án.
- Trường hợp chủ đầu tư không phải là nhà thầu nhưng có đơn vị trực thuộc có đủ điều kiện năng lực theo quy định thì được tự thực hiện phần công việc tương ứng với năng lực của đơn vị trực thuộc.
- Chủ đầu tư được tự tổ chức thực hiện các công việc xây dựng nhà lẻ hoặc sửa chữa thường xuyên.

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng

3.1. Lập, trình kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu

3.1.1. Lập, trình và phê duyệt kế hoạch đấu thầu

Kế hoạch đấu thầu do chủ đầu tư lập và trình người quyết định đầu tư phê duyệt trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu. Kế hoạch đấu thầu được lập cho toàn bộ dự án. Riêng đối với các dự án có quy mô lớn, phức tạp, kéo dài nhiều năm, đối với trường hợp thực hiện các công việc tư vấn ở giai đoạn chuẩn bị dự án như lập quy hoạch xây dựng, khảo sát phục vụ lập dự án, lập báo cáo đầu tư, lập dự án,... thì có thể lập kế hoạch đấu thầu cho một hoặc số gói thầu để thực hiện trước. Kế hoạch đấu thầu được phê duyệt là căn cứ pháp lý để chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu.

*** Nội dung kế hoạch đấu thầu**

- Kế hoạch đấu thầu là tài liệu phân chia toàn bộ dự án thành các gói thầu và nội dung đối với mỗi gói thầu bao gồm: tên gói thầu; giá gói thầu; nguồn vốn; sơ tuyển (nếu có), hình thức lựa chọn nhà thầu, phương thức đấu thầu; đấu thầu trong nước hoặc quốc tế; thời gian lựa chọn nhà thầu; hình thức hợp đồng/loại giá hợp đồng; thời gian thực hiện hợp đồng.
- Kế hoạch đấu thầu giai đoạn chuẩn bị dự án: đối với trường hợp thực hiện các công việc trước khi phê duyệt dự án như lập quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500 phục vụ lập dự án, khảo sát phục vụ lập dự án, lập báo cáo đầu tư, lập dự án đầu tư xây dựng công trình, ... thì có thể lập kế hoạch đấu thầu cho các gói này nhưng vẫn phải đầy đủ các nội dung theo quy định của kế hoạch đấu thầu như: tên gói thầu; giá gói thầu; nguồn vốn; hình thức lựa chọn nhà thầu, phương thức đấu thầu; đấu thầu trong nước hoặc quốc tế; thời gian lựa chọn nhà thầu; hình thức hợp đồng; thời gian thực hiện hợp đồng.
- Kế hoạch đấu thầu sau khi phê duyệt dự án: Kế hoạch đấu thầu phải được lập cho toàn bộ dự án (kể cả tổng giá trị các phần công việc đã thực hiện), bao gồm nội dung phân chia toàn bộ dự án thành các gói thầu và nội dung đối với từng gói thầu như: tên gói thầu; giá gói thầu; nguồn vốn; sơ tuyển (nếu có), hình thức lựa chọn nhà thầu, và phương thức đấu thầu; đấu thầu trong nước hoặc quốc tế; thời gian lựa chọn nhà thầu; hình thức hợp đồng (loại giá hợp đồng xây dựng dự kiến áp dụng); thời gian thực hiện hợp đồng.

*** Căn cứ lập kế hoạch đấu thầu**

Kế hoạch đấu thầu được lập căn cứ vào báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư, dự toán được duyệt, các định mức chi phí, định mức kinh tế kỹ thuật do nhà nước công bố, quy định về thời gian trong đấu thầu, các quy định áp dụng từng hình thức lựa chọn nhà thầu, các chế độ chính sách của nhà nước về giá lương, tiền,... và các tài liệu có liên quan khác.

*** Phân chia dự án thành các gói thầu**

Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải đảm bảo hiệu quả của dự án, phù hợp với năng lực quản lý của chủ đầu tư và khả năng tham gia thực hiện gói thầu của các nhà thầu. Việc phân chia gói thầu trong kế hoạch đấu thầu phải căn cứ vào quy mô, tính chất, thời gian thực hiện dự án; trình tự, đặc điểm, yêu cầu kỹ thuật của loại công việc cần thực hiện để đảm bảo tính đồng bộ của dự án và sự hợp lý về quy mô của gói thầu. Do đó gói thầu có thể là toàn bộ dự án hoặc một phần công việc của dự án; một công trình xây dựng có thể là một gói thầu hoặc bao gồm một số gói thầu. Dự án có thể được phân chia thành các gói thầu lựa chọn tổng thầu xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi trong quản lý dự án, nâng cao hiệu quả đầu tư của dự án.

Số lượng, quy mô và thời gian thực hiện các gói thầu trong kế hoạch đấu thầu phải đảm bảo các yếu cầu sau: Sự hợp lý về trình tự thực hiện; Sự đồng bộ giữa các phần công việc của dự án hoặc

giữa các công trình chính với các công trình liên quan; Đáp ứng được yêu cầu về tiến độ vận hành khai thác sử dụng công trình; Phù hợp với khả năng bố trí vốn theo tiến độ; Tạo điều kiện để các nhà thầu có cơ hội tham gia; Phạm vi, tính chất công việc của từng gói thầu phải rõ, tương đối độc lập với các gói thầu khác.

Xác định tính chất kỹ thuật của gói thầu: do người quyết định đầu tư quyết định trong kế hoạch đấu thầu. Có thể xác định tính chất kỹ thuật của gói thầu như sau:

- Gói thầu tư vấn xây dựng có yêu cầu kỹ thuật cao gồm: Gói thầu thiết kế xây dựng công trình chính thuộc dự án quy mô lớn, phức tạp, thiết kế xây dựng công trình đặc biệt, công trình áp dụng công nghệ mới (như xây dựng nhà máy lọc dầu, nhà máy điện nguyên tử, xây dựng công trình ngầm...), công trình có điều kiện, môi trường xây dựng khó khăn.
- Gói thầu thi công xây dựng có yêu cầu kỹ thuật cao gồm: Gói thầu thi công xây dựng công trình chính thuộc dự án quy mô lớn, phức tạp; công trình cấp đặc biệt; gói thầu thi công xây dựng công trình lần đầu áp dụng công nghệ mới, phức tạp (thi công kết cấu nhịp lớn, lắp ghép kết cấu yêu cầu độ chính xác cao,...); Gói thầu thi công xây dựng trong điều kiện môi trường xây dựng khó khăn.
- Gói thầu lựa chọn tổng thầu xây dựng có yêu cầu kỹ thuật cao là gói thầu có một trong những đặc điểm của gói thầu tư vấn xây dựng có kỹ thuật cao hoặc gói thầu thi công xây dựng có kỹ thuật cao.

*** Xác định hình thức hợp đồng (Giá hợp đồng xây dựng)**

Mỗi gói thầu, tùy thuộc vào tính chất phức tạp của công việc thực hiện, quy mô của gói thầu, thời gian dự kiến thực hiện mà các phần việc của gói thầu có thể áp dụng các loại giá hợp đồng khác nhau (giá trọn gói, đơn giá cố định, giá điều chỉnh, giá kết hợp). Vấn đề này phải được xác định ngay trong kế hoạch đấu thầu. Do vậy trong từng gói thầu, chủ đầu tư cần cân nhắc để chọn loại giá hợp đồng phù hợp, không nên cứng nhắc xác định một loại giá duy nhất cho các gói thầu hoặc cho các phần khác nhau trong một gói thầu. Vì thời gian từ khi lập kế hoạch đấu thầu đến khi tổ chức lựa chọn nhà thầu thường khá dài, khi có biến động lớn về giá cả có thể loại giá hợp đồng được xác định trước trong kế hoạch đấu thầu không còn phù hợp nữa. Cần nghiên cứu thêm chuyên đề về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

*** Xác định giá gói thầu**

Giá gói thầu tính cho toàn bộ thời gian thực hiện gói thầu, được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư (khi chưa có thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán được duyệt), dự toán xây dựng công trình và các quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Giá gói thầu tư vấn xây dựng được xác định căn cứ vào chi phí tư vấn trong tổng mức đầu tư, dự toán chi phí tư vấn được duyệt. Đối với các gói thầu tư vấn được thực hiện trước khi dự án được phê duyệt thì căn cứ vào chi phí tư vấn trong sơ bộ tổng mức đầu tư, chi phí tư vấn của tổ chức tư vấn thực hiện, tham khảo định mức chi phí tư vấn do nhà nước công bố và các căn cứ tham khảo khác phù hợp với đặc điểm dự án, công trình xây dựng để lập dự toán gói thầu làm cơ sở xác định giá gói thầu. Xác định giá gói thầu tư vấn ở giai đoạn chuẩn bị dự án (khi chưa có quy mô, mức vốn có thể cho các công trình) cần phải lưu ý kết hợp đồng thời các phương pháp phù hợp để đối chiếu, so sánh xác định giá phù hợp. Đặc biệt quan tâm tới việc áp dụng phương

pháp tương tự, dự toán chi phí, kinh nghiệm của tư vấn, những đặc điểm, yêu cầu có thể của dự án làm cơ sở để tính toán, xác định giá phù hợp.

- Giá gói thầu thi công xây dựng công trình xác định căn cứ vào chi phí xây dựng trong tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình được duyệt (đối với trường hợp dự án chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật). Thực tế thời gian qua cho thấy, theo quy định của pháp luật về đấu thầu, kế hoạch đấu thầu phải được lập cho toàn bộ dự án ngay sau khi dự án được duyệt để trình người quyết định đầu tư xem xét, phê duyệt. Do vậy hầu như các gói thầu xây lắp, khi xác định giá gói thầu mới chỉ xác định từ thiết kế cơ sở được duyệt mà chưa có thiết kế chi tiết. Mặt khác từ khi phê duyệt kế hoạch đấu thầu tới khi tổ chức đấu thầu cho các gói thầu của dự án có thể sau vài năm (đặc biệt đối với dự án lớn, vấn đề này càng phức tạp). Do đó xác định chuẩn xác giá của từng gói thầu có ý nghĩa hết sức quan trọng. Điều này đòi hỏi tư vấn khi giúp chủ đầu tư lập giá gói thầu phải có năng lực, kinh nghiệm, am hiểu kỹ về dự án để tính toán giá gói thầu sao cho dự kiến đủ chi phí thực hiện cho gói thầu, tránh việc điều chỉnh nhiều lần giá gói thầu, phát sinh nhiều thủ tục, kéo dài tiến độ, giảm hiệu quả dự án.
- Giá gói thầu tổng thầu xây dựng được xác định căn cứ vào chi phí thực hiện các công việc của tổng thầu nếu trong tổng mức đầu tư được duyệt kể cả các khoản chi phí về đào tạo, chuyển giao công nghệ (nếu có) và chi phí quản lý dự án của tổng thầu xây dựng. Riêng đối với gói thầu tổng thầu của các dự án có tính chất đặc thù, việc xác định giá gói thầu có thể căn cứ vào sơ bộ tổng mức đầu tư tính theo suất vốn đầu tư hoặc chi phí của dự án tương tự đã thực hiện và các yêu cầu khác của chủ đầu tư.

*** Điều chỉnh kế hoạch đấu thầu, giá gói thầu**

Trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư phải xem xét về sự phù hợp của kế hoạch đấu thầu được duyệt với điều kiện thực hiện. Trường hợp thấy cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch đấu thầu thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư và thực hiện việc điều chỉnh theo quy định nếu được chấp thuận. Việc điều chỉnh kế hoạch đấu thầu có thể bao gồm: nhập, tách hoặc bổ sung các gói thầu, điều chỉnh giá gói thầu, thay đổi hình thức lựa chọn nhà thầu...

*** Dự toán gói thầu khi tổ chức đấu thầu**

Dự toán gói thầu có thể là toàn bộ hoặc một phần dự toán xây dựng công trình hoặc kết hợp từ một số dự toán khác nhau, do đó khi lập dự toán gói thầu cần lưu ý đến phạm vi công việc, thời gian thực hiện, biện pháp và điều kiện thực hiện của gói thầu để lập dự toán gói thầu đảm bảo hợp lý.

Như các phân tích nêu các phần trước, thông thường các gói thầu xây lắp ở các dự án quy mô lớn, công trình phức tạp khi lập giá gói thầu trong kế hoạch đấu thầu hầu như chưa có thiết kế kỹ thuật hay thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt. Do vậy khi tổ chức đấu thầu xây lắp (khi đã có thiết kế chi tiết được phê duyệt) có thể xảy ra các tình huống dự toán gói thầu khi đấu thầu khác với giá gói thầu. Trường hợp dự toán của gói thầu được duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu đã duyệt thì dự toán sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xem xét kết quả lựa chọn nhà thầu mà không phải làm thủ tục điều chỉnh giá gói thầu trong kế hoạch đấu thầu đã duyệt. Dự toán gói thầu do chủ đầu tư phê duyệt.

3.1.2. Lập, trình và phê duyệt hồ sơ mời thầu

3.1.2.1. Lập hồ sơ mời thầu

Hồ sơ mời thầu do bên mời thầu lập theo mẫu qui định. Nội dung hồ sơ mời thầu bao gồm: các yêu cầu đối với các đề xuất của nhà thầu (về kỹ thuật và tài chính), yêu cầu quan trọng (điều kiện tiên quyết), tiêu chuẩn đánh giá và các yêu cầu khác.

Xác định các yêu cầu đối với các đề xuất của nhà thầu

*** Đối với gói thầu tư vấn**

a) Yêu cầu đối với đề xuất kỹ thuật

- Nhân sự thực hiện: danh sách và hồ sơ kinh nghiệm của các chuyên gia tư vấn phù hợp với yêu cầu của gói thầu (chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng, kỹ sư kinh tế, cán bộ kỹ thuật); bố trí nhân sự để thực hiện gói thầu. Với từng gói thầu tư vấn xây dựng khác nhau như: khảo sát, thiết kế, quản lý dự án, giám sát thi công,... cần phải căn cứ vào loại, cấp công trình xây dựng, đặc điểm của từng hạng mục, mức độ cần huy động nhân sự tham gia gói thầu để đưa ra các yêu cầu phù hợp.
- Giải pháp thực hiện gói thầu: thời gian, tiến độ thực hiện gói thầu; phương pháp luận thực hiện công việc; phương tiện, điều kiện làm việc; đào tạo và chuyển giao công nghệ (nếu có); tổ chức quản lý chung; quản lý chất lượng; sử dụng thầu phụ (nếu có); cam kết về trách nhiệm đảm bảo chất lượng, tiến độ thực hiện công việc của nhà thầu;
- Các đề xuất có tính cạnh tranh mang lại hiệu quả cho chủ đầu tư và dự án.
- Các yêu cầu khác.

b) Yêu cầu đối với đề xuất tài chính

Giá dự thầu phải bao gồm mọi chi phí, kể cả các loại thuế nhà thầu phải nộp, để thực hiện hiện gói thầu phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu, giải pháp thực hiện gói thầu, thời gian thực hiện do nhà thầu đề xuất; các điều kiện tài chính, thương mại và các đề xuất ưu đãi của nhà thầu liên quan đến tài chính, thương mại (nếu có); các đề xuất có tính cạnh tranh mang lại hiệu quả cho chủ đầu tư và dự án được lượng hóa thành tiền.

*** Đối với gói thầu xây lắp**

Yêu cầu nhà thầu đề xuất về giải pháp kỹ thuật thực hiện gói thầu, tiến độ thi công, giá dự thầu và các đề xuất khác có tính cạnh tranh mang lại hiệu quả cho chủ đầu tư, dự án.

a) Yêu cầu đối với đề xuất về giải pháp kỹ thuật và tiến độ

- Đề xuất về giải pháp kỹ thuật (kể cả của thầu phụ, nếu có):
    - Giải pháp kỹ thuật chung: Giải pháp thi công các hạng mục, công việc chủ yếu; Bố trí tổng mặt bằng xây dựng công trình; Giải pháp huy động vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị thi công và nhân lực phù hợp với nội dung và tiến độ thực hiện công việc, từng giai đoạn thực hiện của gói thầu, bao gồm: Số lượng, chủng loại, thông số kỹ thuật của thiết bị, xe máy thi công được huy động; số lượng, chủng loại, chất lượng vật tư, vật liệu xây dựng

chủ yếu; số lượng, cơ cấu, trình độ nhân lực được huy động (cán bộ quản lý, kỹ thuật và công nhân).
  - Giải pháp bảo đảm chất lượng: Hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu để thực hiện gói thầu; Biện pháp tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện các công việc của gói thầu;
  - Biện pháp đảm bảo an toàn cho người, thiết bị xe máy thi công, công trình xây dựng và các công trình lân cận; biện pháp phòng chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường;
  - Giải pháp bố trí nhà xưởng phụ trợ phục vụ cho thi công xây dựng;
  - Đề xuất phương án sử dụng hạ tầng kỹ thuật (điện, nước...) phục vụ thi công xây dựng;

Giải pháp kỹ thuật mà nhà thầu kê khai phải chứng minh được khả năng thực hiện và phù hợp với các đề xuất về tiến độ, đề xuất về giá dự thầu đáp ứng theo từng phần công việc có thể, theo từng giai đoạn có thể trong suốt quá trình thực hiện gói thầu.

- Đề xuất về tiến độ thi công xây dựng
  - Thời gian thực hiện gói thầu và sơ đồ tổng tiến độ với các mốc tiến độ thi công chủ yếu; biểu đồ huy động vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị xe máy thi công và nhân lực theo tiến độ.
  - Biện pháp quản lý tổng tiến độ, kể cả tiến độ thực hiện công việc của thầu phụ (nếu có)

Đề xuất tiến độ của nhà thầu phải phù hợp với các nội dung kê khai trong giải pháp kỹ thuật, phù hợp với đề xuất về giá dự thầu đáp ứng theo từng phần công việc có thể, theo từng giai đoạn có thể trong suốt quá trình thực hiện gói thầu.

b) Yêu cầu đối với đề xuất tài chính

- Giá dự thầu được đề xuất phải mang tính cạnh tranh, bao gồm đầy đủ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, kể cả các loại thuế nhà thầu phải nộp, phù hợp với tài liệu thiết kế trong hồ sơ mời thầu, mặt bằng giá xây dựng và phù hợp với giải pháp kỹ thuật thực hiện gói thầu, tiến độ thi công xây dựng do nhà thầu đề xuất.
- Tùy theo tính chất, yêu cầu của gói thầu, có thể yêu cầu nhà thầu đề xuất giá dự thầu theo hình thức tổng giá của gói thầu, đơn giá công việc hoặc kết hợp giữa các phần việc với đơn giá; các hạng mục yêu cầu chào đơn giá, chào trọn gói, thuế, lãi.
- Đề xuất giảm giá và giải trình, nếu có.
- Trường hợp khối lượng trong hồ sơ mời thầu tính thiếu hoặc thừa so với khối lượng theo thiết kế thì nhà thầu phải có đề xuất giá riêng cho phần khối lượng thiếu hoặc thừa.
- Giá dự thầu được đề xuất không thấp hơn giá thành xây dựng của nhà thầu.

Ngoài ra, tùy thuộc vào tính chất gói thầu, mục tiêu của dự án, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu đưa ra các đề xuất khác có tính cạnh tranh, mang lại hiệu quả cho chủ đầu tư, dự án như rút ngắn thời gian thực hiện gói thầu; điều kiện thanh toán, khả năng tạm ứng vốn và các điều kiện tài chính khác; bảo hành công trình... Những yêu cầu này phải được nêu rõ trong hồ sơ mời thầu. Các đề xuất này của nhà thầu phải được lượng hóa thành tiền.

*** Đối với gói thầu tổng thầu thiết kế và thi công**

a) Yêu cầu đối với đề xuất kỹ thuật

- Nội dung đề xuất kỹ thuật đối với phần thiết kế tương tự như đối với gói thầu tư vấn; nội dung đề xuất kỹ thuật đối với phần thi công tương tự gói thầu xây lắp và có bổ sung:
- Danh mục các công việc của gói thầu do tổng thầu, các thầu phụ thực hiện đảm nhận;
- Bố trí nhân sự và giải pháp thực hiện công việc của tổng thầu theo yêu cầu của gói thầu, bao gồm giải pháp quản lý, điều phối các thầu phụ thiết kế; giải pháp quản lý và tổ chức thực hiện công việc của các thầu phụ;
- Giải pháp huy động nhân sự, giải pháp thực hiện gói thầu của các nhà thầu phụ phù hợp với nội dung công việc dự kiến đảm nhận;
- Giải pháp quản lý, điều phối các nhà thầu thi công xây dựng công trình trong việc phối hợp với nhà thầu thiết kế để đảm bảo tiến độ, chất lượng của dự án;

b) Yêu cầu đối với đề xuất tài chính

Giá dự thầu phải bao gồm mọi chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, kể cả các loại thuế nhà thầu phải nộp, chi phí quản lý của tổng thầu, các điều kiện tài chính, thương mại và các đề xuất ưu đãi của nhà thầu liên quan đến tài chính, thương mại (nếu có); các đề xuất có tính cạnh tranh mang lại hiệu quả cho chủ đầu tư và dự án được lượng hóa thành tiền.

*** Đối với gói thầu tổng thầu EPC**

a) Về nội dung đề xuất kỹ thuật
Yêu cầu về đề xuất kỹ thuật đối với phần thiết kế và thi công xây dựng công trình: tương tự như đối với gói thầu tổng thầu thiết kế và thi công và có bổ sung thêm:

- Giải pháp quản lý, tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Giải pháp thực hiện liên quan tới quá trình lập, thẩm định và phê duyệt dự án;
- Giải pháp kỹ thuật đối với phần cung ứng vật tư, thiết bị: bổ sung yêu cầu nhà thầu đề xuất về dây chuyền công nghệ và thiết bị phù hợp với phần thiết kế xây dựng và thi công xây dựng công trình; xuất xứ hàng hóa; giải pháp tổng thể cung ứng vật tư thiết bị; đào tạo, chuyển giao công nghệ; thử nghiệm, vận hành, chạy thử công trình.

b) Yêu cầu đối với đề xuất tài chính

Giá dự thầu phải bao gồm mọi chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, kể cả các loại thuế nhà thầu phải nộp, chi phí quản lý của tổng thầu, các điều kiện tài chính, thương mại và các đề xuất ưu đãi của nhà thầu liên quan đến tài chính, thương mại (nếu có); các đề xuất có tính cạnh tranh mang lại hiệu quả cho chủ đầu tư và dự án được lượng hóa thành tiền.

*** Đối với gói thầu tổng thầu chia khoán trao tay**

a) Yêu cầu đối với đề xuất kỹ thuật

Tương tự như đối với gói thầu EPC nhưng bổ sung thêm các yêu cầu nhà thầu đề xuất các nội dung, giải pháp thực hiện liên quan tới quá trình lập, thẩm định và phê duyệt dự án.

b) Yêu cầu đối với đề xuất tài chính

Giá dự thầu phải bao gồm mọi chi phí, kể cả các loại thuế nhà thầu phải nộp để thực hiện toàn bộ gói thầu, chi phí quản lý của tổng thầu, các điều kiện tài chính, thương mại và các đề xuất ưu đãi của nhà thầu liên quan đến tài chính, thương mại (nếu có); các đề xuất có tính cạnh tranh mang lại hiệu quả cho chủ đầu tư và dự án được lượng hóa thành tiền.

3.1.2.2. Trình, phê duyệt hồ sơ mời thầu

Bên mời thầu trình chủ đầu tư xem xét, phê duyệt hồ sơ mời thầu. Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ mời thầu trên cơ sở báo cáo thẩm định của cơ quan, tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu.

3.2. Tổ chức đấu thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu

3.2.1. Tổ chức đấu thầu

a) Phát hành hồ sơ mời thầu

- Bên mời thầu bán hồ sơ mời thầu tới trước thời điểm đóng thầu cho các nhà thầu tham gia đấu thầu, với giá bán do chủ đầu tư quyết định căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu nhưng không quá 1.000.000 đồng đối với đấu thầu trong nước. Đối với đấu thầu Quốc tế mức giá bán theo thông lệ đấu thầu Quốc tế.
- Trường hợp hồ sơ mời thầu cần sửa đổi sau khi phát hành thì phải thông báo đến các nhà thầu đã nhận hồ sơ mời thầu tối thiểu 10 ngày trước thời điểm đóng thầu, đối với gói thầu qui mô nhỏ tối thiểu 3 ngày trước thời điểm đóng thầu.

b) Chuẩn bị hồ sơ dự thầu

Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

c) Tiếp nhận và quản lý hồ sơ dự thầu

Bên mời thầu tiếp nhận và quản lý các hồ sơ dự thầu đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ "mật". Hồ sơ dự thầu được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ và bị loại.

d) Sửa đổi hoặc rút hồ sơ dự thầu

Khi muốn sửa đổi hoặc rút hồ sơ dự thầu đã nộp, nhà thầu phải có văn bản đề nghị và bên mời thầu chỉ chấp thuận nếu nhận được văn bản đề nghị của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu. Văn bản đề nghị rút hồ sơ dự thầu phải được gửi riêng biệt với hồ sơ dự thầu.

e) Mở thầu

Việc mở thầu phải được tiến hành công khai ngay sau thời điểm đóng thầu theo thời gian và địa điểm qui định trong hồ sơ mời thầu trước sự chứng kiến của những người có mặt và không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu được mời. Bên mời thầu có thể mời đại diện các cơ quan liên quan đến tham dự lễ mở thầu.
Riêng đối với gói thầu tư vấn việc mở thầu được tiến hành 2 lần, lần 1 mở hồ sơ đề xuất kỹ thuật,

AN TOÀN NAM VIỆT www.antoannamviet.com

lần 2 mở hồ sơ đề xuất tài chính của những nhà thầu đạt yêu cầu về kỹ thuật và được thực hiện sau bước đánh giá về kỹ thuật. Riêng đối với các gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, lần 2 mở hồ sơ đề xuất tài chính của nhà thầu có điểm đánh giá về kỹ thuật cao nhất.

3.2.2. Đánh giá hồ sơ dự thầu

3.2.2.1. Đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu tư vấn

Đánh giá hồ sơ dự thầu bao gồm đánh giá sơ bộ hồ sơ đề xuất kỹ thuật và đánh giá chi tiết.

a) Đánh giá sơ bộ hồ sơ đề xuất kỹ thuật (áp dụng cho mọi gói thầu tư vấn xây dựng)

- Kiểm tra tính hợp lệ của các hồ sơ dự thầu
- Kiểm tra sự đáp ứng về điều kiện tiên quyết: nhà thầu vi phạm chỉ một trong các điều kiện tiên quyết sẽ bị loại.

Bên mời thầu đối chiếu giữa quy định trong hồ sơ mời thầu về tính hợp lệ của các hồ sơ dự thầu với kê khai, đề xuất của nhà thầu. Nhà thầu có trách nhiệm giải trình và cung cấp thêm các thông tin (nếu cần). Các hồ sơ dự thầu được kiểm tra điều kiện tiên quyết và nếu vi phạm một trong các điều kiện tiên quyết sẽ bị loại. Các hồ sơ dự thầu không vi phạm điều kiện tiên quyết sẽ được đánh giá chi tiết.

b) Đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu đối với gói thầu không yêu cầu kỹ thuật cao

Đánh giá chi tiết bao gồm đánh giá về mặt kỹ thuật, đánh giá về mặt tài chính và đánh giá tổng hợp.

- Đánh giá về mặt kỹ thuật: bằng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1000 điểm.
    - Nội dung tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật gồm: kinh nghiệm, năng lực thực hiện gói thầu (số lượng và trình độ của chuyên gia tư vấn; trang thiết bị, phòng thí nghiệm, phần mềm ứng dụng, tình trạng tài chính...); bố trí nhân sự và giải pháp thực hiện gói thầu. Đối với từng tiêu chuẩn phải quy định cụ thể số điểm tối đa cho từng nội dung đánh giá.
    - Việc đánh giá về mặt kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá nêu trong hồ sơ mời thầu. Hồ sơ dự thầu có điểm đánh giá về mặt kỹ thuật đạt mức yêu cầu tối thiểu trở lên được coi là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật. Mức yêu cầu tối thiểu do bên mời thầu qui định tùy thuộc vào tính chất, quy mô gói thầu nhưng không thấp hơn 70% tổng số điểm về mặt kỹ thuật. Chủ đầu tư phê duyệt danh sách các nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật để đánh giá tiếp hồ sơ đề xuất tài chính của các nhà thầu này. Nhà thầu không đạt mức yêu cầu tối thiểu về mặt kỹ thuật sẽ bị loại.
- Đánh giá về mặt tài chính: bằng phương pháp chấm điểm theo thang điểm đánh giá về mặt kỹ thuật.

Đánh giá về mặt tài chính bao gồm: sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch giá dự thầu; xác định điểm về mặt tài chính đối với từng hồ sơ dự thầu. Điểm tài chính của các hồ sơ dự thầu được xác định như đã nêu trong hồ sơ mời thầu dựa trên nguyên tắc: hồ sơ dự thầu có giá dự thầu (sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch) càng cao thì điểm càng thấp và hồ sơ dự thầu có giá dự thầu (sau sửa lỗi,

AN TOÀN NAM VIỆT www.antoannamviet.com

hiệu chỉnh sai lệch) thấp nhất được điểm tối đa là 100 hoặc 1000 điểm (tùy theo thang điểm đánh giá về kỹ thuật).

- Đánh giá tổng hợp: việc đánh giá tổng hợp được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp nêu trong hồ sơ mời thầu. Tổng tỷ trọng điểm đánh giá về mặt kỹ thuật và về mặt tài chính là 100% với tỷ trọng điểm đánh giá mặt kỹ thuật không thấp hơn 70% và tỷ trọng điểm đánh giá mặt tài chính không cao hơn 30%.

Trường hợp đấu thầu quốc tế, nhà thầu thuộc đối tượng ưu đãi được cộng thêm 7,5% điểm tổng hợp được đánh giá cho hồ sơ của nhà thầu đó.

Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được bên mời thầu trình chủ đầu tư phê duyệt xếp thứ nhất, được kiểm tra giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch) nếu không vượt giá gói thầu được duyệt thì được mời vào đàm phán hợp đồng trước khi trình phê duyệt kết quả đấu thầu.

c) Đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu đối với gói thầu có yêu cầu kỹ thuật cao

Đối với gói thầu có yêu cầu kỹ thuật cao việc đánh giá chi tiết bao gồm đánh giá về mặt kỹ thuật đối với các hồ sơ dự thầu và xem xét đề xuất tài chính đối với hồ sơ dự thầu có điểm kỹ thuật cao nhất.

- Đánh giá về mặt kỹ thuật: thực hiện như quy định trong phần đánh giá về mặt kỹ thuật gói thầu tư vấn thông thường, yêu cầu tối thiểu về mặt kỹ thuật quy định trong hồ sơ mời thầu không được thấp hơn 80% tổng số điểm đánh giá về kỹ thuật. Trường hợp đấu thầu quốc tế, nhà thầu thuộc đối tượng ưu đãi được cộng thêm 7,5% tổng số điểm kỹ thuật theo tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật. Các nhà thầu không đạt mức yêu cầu tối thiểu về mặt kỹ thuật sẽ bị loại.
- Xếp hạng các nhà thầu theo điểm kỹ thuật: Chủ đầu tư phê duyệt danh sách xếp hạng các nhà thầu theo điểm kỹ thuật. Nhà thầu có điểm kỹ thuật cao nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời đến để xem xét hồ sơ đề xuất tài chính.
- Xem xét hồ sơ đề xuất tài chính: Giá dự thầu của nhà thầu này được sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch và nếu không vượt giá gói thầu được duyệt thì nhà thầu này được mời vào đàm phán hợp đồng trước khi trình phê duyệt kết quả đấu thầu.

3.2.2.2. Đánh giá hồ sơ dự thầu các gói thầu tổng thầu thiết kế

Việc đánh giá được thực hiện như đối với gói thầu tư vấn xây dựng.

3.2.2.3. Đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây lắp

Việc đánh giá hồ sơ dự thầu bao gồm đánh giá sơ bộ và đánh giá chi tiết.

a) Đánh giá sơ bộ

- Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu, kiểm tra sự đáp ứng các điều kiện tiên quyết của hồ sơ dự thầu so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Các hồ sơ dự thầu vi phạm một trong các điều kiện tiên quyết sẽ bị loại.

- Đánh giá về kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật, năng lực tài chính của nhà thầu theo các yêu cầu trong hồ sơ mời thầu (trong trường hợp không có sơ tuyển để lựa chọn danh sách các nhà thầu) bằng phương pháp đạt/không đạt.

Các hồ sơ dự thầu không vi phạm điều kiện tiên quyết và đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được đánh giá chi tiết.

b) Đánh giá chi tiết

Việc đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu xây lắp là xem xét, đánh giá các đề xuất của nhà thầu về giải pháp kỹ thuật kê khai, đề xuất tiến độ, đề xuất giá và các đề xuất cạnh tranh của nhà thầu nhằm chọn được nhà thầu có đề xuất mang lại hiệu quả cao nhất cho chủ đầu tư, dự án. Đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu xây lắp được thực hiện theo một trong các phương pháp sau:

* **Phương pháp đánh giá đồng thời về giải pháp kỹ thuật, giá, tiến độ**

Áp dụng trong trường hợp cần đẩy nhanh tiến độ đánh giá hồ sơ dự thầu đối với các gói thầu xây lắp có yêu cầu đơn giản về mặt kỹ thuật và việc đánh giá theo phương pháp này phải được qui định trong hồ sơ mời thầu.

* **Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu theo giá đánh giá (áp dụng đối với các gói thầu xây lắp có giá từ 3 tỷ đồng trở lên): đánh giá về mặt kỹ thuật và xác định giá đánh giá.**

- Đánh giá về mặt kỹ thuật:

Đánh giá sự hợp lý, khả thi đối với các nội dung về mặt kỹ thuật bao gồm: tính hợp lý, khả thi của giải pháp kỹ thuật; sự phù hợp giữa biện pháp thi công và tiến độ thi công; các biện pháp bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường, an toàn lao động; các biện pháp bảo đảm chất lượng; tiến độ thi công; các nội dung khác (nếu có) theo tiêu chuẩn đánh giá và phương pháp đánh giá (chấm điểm hoặc đạt/không đạt) được nêu trong hồ sơ mời thầu.

-
  - Trường hợp đánh giá bằng phương pháp chấm điểm: Mức điểm yêu cầu tối thiểu về mặt kỹ thuật được qui định trong hồ sơ mời thầu tùy theo tính chất của từng gói thầu nhưng phải đảm bảo không thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật; đối với gói thầu có yêu cầu kỹ thuật cao không thấp hơn 80%. Hồ sơ dự thầu đạt số điểm về mặt kỹ thuật từ mức yêu cầu trở lên là đạt yêu cầu.
  - Trường hợp đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt: Tùy theo tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các nội dung được coi là các yêu cầu cơ bản của hồ sơ mời thầu, chỉ sử dụng tiêu chí "đạt" hoặc "không đạt". Đối với các nội dung yêu cầu không cơ bản, ngoài tiêu chí "đạt" hoặc "không đạt", được áp dụng thêm tiêu chí "chấp nhận được" nhưng không được vượt quá 30% tổng số các nội dung yêu cầu trong tiêu chuẩn đánh giá. Hồ sơ dự thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu khi các nội dung được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được".

Nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật sẽ được xác định giá đánh giá. Bên mời thầu lập báo cáo trình chủ đầu tư xem xét phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật.

-
  - Xác định giá đánh giá:

Giá đánh giá là giá được xác định trên cùng một mặt bằng các yếu tố về kỹ thuật, tài chính, thương mại và các yếu tố khác được so sánh, xếp hạng các hồ sơ dự thầu. Phương pháp xác định giá đánh giá phải được nêu trong tiêu chuẩn đánh giá. Việc xác định giá đánh giá bao gồm: Xác định giá dự thầu; Sửa lỗi; Hiệu chỉnh các sai lệch; Chuyển đổi giá dự thầu (sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch) sang một đồng tiền chung (nếu có); Đưa các chi phí về một mặt bằng bao gồm: Các điều kiện về mặt kỹ thuật như: tiến độ thực hiện; Chi phí quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng, tuổi thọ công trình và các yếu tố kỹ thuật khác tùy theo từng gói thầu có thể; Điều kiện tài chính, thương mại; Ưu đãi trong đấu thầu quốc tế (nếu có); Các yếu tố khác. Tùy theo tính chất của từng gói thầu mà quy định các yếu tố để xác định giá đánh giá cho phù hợp.

Xếp hạng thứ tự hồ sơ dự thầu theo giá đánh giá, hồ sơ dự thầu có giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất.

- Kiến nghị nhà thầu trúng thầu: là nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất và có giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch) không vượt giá gói thầu được duyệt.

*** Riêng đối với trường hợp các gói thầu xây lắp có giá gói thầu < 3 tỷ đồng**

Không cần xác định giá đánh giá. Nhà thầu trúng thầu là nhà thầu:

- Có hồ sơ dự thầu hợp lệ; không vi phạm điều kiện tiên quyết;
- Được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm;
- Có đề xuất về mặt kỹ thuật được đánh giá là đáp ứng yêu cầu theo tiêu chí "đạt", "không đạt";
- Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch thấp nhất;
- Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt.

3.2.2.4. Đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu tổng thầu thiết kế và thi công xây dựng

Việc đánh giá hồ sơ dự thầu dựa trên tiêu chuẩn đánh giá nêu trong hồ sơ mời thầu. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu này bao gồm tiêu chuẩn đánh giá đối với từng nội dung E (thiết kế) và C (thi công xây dựng). Với nội dung E đánh giá như đối với gói thầu tư vấn xây dựng, với nội dung C đánh giá như đối với gói thầu xây lắp.

3.2.2.5. Đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu tổng thầu EPC (thiết kế, cung ứng vật tư thiết bị và thi công xây dựng)

Việc đánh giá hồ sơ dự thầu dựa trên tiêu chuẩn đánh giá nêu trong hồ sơ mời thầu. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu này bao gồm tiêu chuẩn đánh giá đối với từng nội dung E, P và C. Với nội dung E đánh giá như đối với gói thầu tư vấn xây dựng, với nội dung P đánh giá như đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, với nội dung C đánh giá như đối với gói thầu xây lắp.

3.2.2.6. Đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu tổng thầu chia khoán trao tay

Việc đánh giá hồ sơ dự thầu được tiến hành như đối với hồ sơ dự thầu gói thầu tổng thầu EPC nhưng có xét thêm nội dung công việc tư vấn lập dự án.

3.3. Phê duyệt và công bố kết quả đấu thầu

3.3.1. Phê duyệt kết quả đấu thầu

- Bên mời thầu lập báo cáo về kết quả đấu thầu trình chủ đầu tư xem xét, quyết định và gửi đến cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thẩm định.
- Cơ quan, tổ chức thẩm định có trách nhiệm lập báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu trên cơ sở báo cáo của bên mời thầu để trình chủ đầu tư xem xét, quyết định.
- Chủ đầu tư phê duyệt kết quả đấu thầu trên cơ sở báo cáo về kết quả đấu thầu và báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu.

3.3.2. Thông báo (công bố) kết quả đấu thầu

Việc thông báo kết quả đấu thầu được thực hiện ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu của chủ đầu tư.

3.4. Đàm phán, thương thảo và ký kết hợp đồng

- Chủ đầu tư mời nhà thầu trúng thầu đến thương thảo hợp đồng. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng với nhà thầu trúng thầu phải dựa trên cơ sở: kết quả đấu thầu do chủ đầu tư phê duyệt, mẫu hợp đồng đã điền đủ các thông tin có thể của gói thầu; các yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu; các nội dung nêu trong hồ sơ dự thầu và giải thích làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu (nếu có); các nội dung cần được thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu.
- Kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng là cơ sở để chủ đầu tư và nhà thầu tiến hành ký kết hợp đồng.
- Trường hợp thương thảo, hoàn thiện hợp đồng không thành thì chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy kết quả đấu thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo trúng thầu để có cơ sở pháp lý mời vào thương thảo, hoàn thiện hợp đồng; trong trường hợp đó, phải yêu cầu nhà thầu gia hạn hiệu lực hồ sơ dự thầu và bảo đảm dự thầu nếu cần thiết.

CHƯƠNG 6. QUẢN LÝ AN TOÀN LAO ĐỘNG, MÔI TRƯỜNG XÂY DỰNG

1. Quản lý an toàn lao động, môi trường xây dựng

1.1. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư xây dựng công trình

1.1.1. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư xây dựng công trình

- Quy phạm kỹ thuật AT trong xây dựng TCVN 5308-91 quy định:

  - Khi chưa có tài liệu thiết kế TCXD và thiết kế thi công thì không được phép TC.
  - Trong các tài liệu đó phải thể hiện biện pháp đảm bảo ATLĐ, vệ sinh LĐ và phòng cháy chữa cháy.
- Phải bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn công trình, tính mạng con người và tài sản, phòng chống cháy, nổ, vệ sinh môi trường trong hoạt động xây dựng (Luật XD);
- Nội dung QLDA xây dựng bao gồm QL chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và môi trường XD (Luật XD)
- Công trình xây dựng chỉ được khởi công khi có biện pháp để bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng (Luật XD);
- Dừng thi công xây dựng công trình và yêu cầu khắc phục hậu quả khi nhà thầu thi công xây dựng công trình vi phạm các quy định về chất lượng công trình, an toàn vệ sinh môi trường (Luật XD);
- Kiểm tra biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường trong việc thi công xây dựng công trình (Luật XD);
- Việc phá dỡ công trình phải thực hiện theo giải pháp phá dỡ được duyệt, bảo đảm an toàn và vệ sinh môi trường (Luật XD);
- Việc giám sát thi công xây dựng công trình phải được thực hiện để theo dõi, kiểm tra về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng công trình (Luật XD);

1.1.2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của nhà thầu thi công xây dựng công trình

- Điều kiện thi công xây dựng công trình: Nhà thầu khi hoạt động thi công xây dựng công trình phải có thiết bị thi công đáp ứng yêu cầu về an toàn và chất lượng công trình (Luật XD);
- Trong quá trình thi công xây dựng công trình, nhà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm (Luật XD):
  - Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy móc, thiết bị, tài sản, công trình đang xây dựng, công trình ngầm và các công trình liên kế; đối với những máy móc, thiết bị phục vụ thi công phải được kiểm định an toàn trước khi đưa vào sử dụng;
  - Thực hiện biện pháp kỹ thuật an toàn riêng đối với những hạng mục công trình hoặc công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
  - Thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm hạn chế thiệt hại về người và tài sản khi xảy ra mất an toàn trong thi công xây dựng.
- Nhà thầu thi công xây dựng công trình có các nghĩa vụ sau đây (Luật XD):
  - Thi công xây dựng theo đúng thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn và vệ sinh môi trường;
  - Bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, thi công không bảo đảm chất lượng, gây ô nhiễm môi trường;
- Trong quá trình thi công xây dựng công trình, nhà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm (Luật XD):
  - Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng bao gồm môi trường không khí, môi trường nước, chất thải rắn, tiếng ồn và các yêu cầu khác về vệ sinh môi trường;
  - Bồi thường thiệt hại do những vi phạm về vệ sinh môi trường do mình gây ra trong quá trình thi công xây dựng và vận chuyển vật liệu xây dựng;
  - Tuân theo các quy định khác của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Nhà thầu thực hiện việc di dời công trình phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, an toàn đối với công trình di dời và các công trình lân cận, bảo đảm vệ sinh môi trường (Luật XD).

- Người được giao tổ chức thực hiện việc phá dỡ công trình phải chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và vệ sinh môi trường.
- Quản lý ATLĐ trên công trường XD:
    - a) Nhà thầu TC phải lập biện pháp AT cho người, cho CT trên c/trường
        - Nếu biện pháp AT liên quan nhiều bên thì phải được các bên thỏa thuận
    - b) Biện pháp AT, nội quy AT phải thể hiện công khai trên công trường; những vị trí nguy hiểm phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn
    - c) Nhà thầu TC, CDT, các bên liên quan phải thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác ATLĐ trên công trường
        - Khi phát hiện có vi phạm về ATLĐ thì phải đình chỉ TC
        - Người để xảy ra vi phạm ATLĐ thuộc phạm vi q/lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật
    - d) Nhà thầu XD có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về ATLĐ
        - Những công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ thì người LĐ phải có giấy chứng nhận đào tạo ATLĐ
        - Nghiêm cấm sử dụng LĐ chưa được đào tạo và chưa được hướng dẫn về ATLĐ
    - e) Nhà thầu XD có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ LĐ, ATLĐ cho người LĐ theo quy định sử dụng LĐ trên công trường
    - f) Khi có sự cố về ATLĐ, nhà thầu TC và các bên liên quan có trách nhiệm:
        - Tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý NN về ATLĐ theo quy định;
        - Chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường thiệt hại do nhà thầu không đảm bảo ATLĐ gây ra

1.2 Kế hoạch quản lý an toàn lao động và môi trường xây dựng

1.2.1 Quản lý an toàn lao động trên công trường xây dựng

a) Nhà thầu thi công xây dựng phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng. Trường hợp các biện pháp an toàn liên quan đến nhiều bên thì phải được các bên thỏa thuận.

b) Các biện pháp an toàn, nội quy về an toàn phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn.

c) Nhà thầu thi công xây dựng, chủ đầu tư và các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Người để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

d) Nhà thầu xây dựng có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo an toàn lao động. Nghiêm cấm sử dụng người lao động chưa được đào tạo và chưa được hướng dẫn về an toàn lao động.

e) Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động theo quy định khi sử dụng lao động trên công trường.

g) Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định; đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường thiệt hại do nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

1.2.2. Quản lý môi trường xây dựng

a) Nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Đối với những công trình xây dựng trong khu vực đô thị, phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phải thực hiện các biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

c) Nhà thầu thi công xây dựng, chủ đầu tư phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện biện pháp về môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền đình chỉ cho công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

d) Người để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

1.3 Các biện pháp kiểm soát và đảm bảo an toàn lao động và môi trường xây dựng

1.3.1 Những yêu cầu chung

a) Thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng liên quan đến an toàn lao động và bảo vệ môi trường xây dựng, (như TCVN -2287-78 Hệ thống tiêu chuẩn an toàn lao động. Qui định cơ bản; TCVN 296-2004 Dàn giáo - Các yêu cầu về an toàn; TCVN 2290:1978 Thiết bị sản xuất - Yêu cầu chung về an toàn; TCVN 5308:1991 Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng; TCVN 4431:1987 Lan can an toàn - Điều kiện kỹ thuật; TCVN 3254 : 1989 An toàn cháy - Yêu cầu chung; TCVN 3255:1986 An toàn nổ - Yêu cầu chung; TCVN 2291 : 1978 Phương tiện bảo vệ người lao động - Phân loại; TCVN 2288:1978 Các yếu tố nguy hiểm và có hại trong sản xuất - Phân loại; TCVN : 1978 Thiết bị sản xuất - Yêu cầu chung về an toàn;...)

b) Tổ chức bộ phận quản lý an toàn lao động và bảo vệ môi trường xây dựng trong bộ máy quản lý dự án của chủ đầu tư và bộ máy tổ quản lý công trường của nhà thầu;

c) Tổ chức đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động. Giáo dục người lao động ý thức coi trọng an toàn lao động và bảo vệ môi trường;

d) Trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động và kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định khi sử dụng lao động trên công trường;

- e) Lập và thực hiện các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng và bảo đảm vệ môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh: Giải biện pháp kỹ thuật, biện pháp kiểm tra chất lượng và biện pháp an toàn lao động thành một thể thống nhất
- Sắp xếp trình tự thi công trong tiến độ phải đảm bảo không gian lao động đủ an toàn;
- Thiết kế tổng mặt bằng thi công hay là sự cung cấp dịch vụ thi công phải có quan điểm an toàn lao động
- Cảnh báo mất an toàn và gây ô nhiễm môi trường trên công trường
- Lập các biện pháp để phòng tai nạn khi khảo sát phục vụ xây dựng, các biện pháp chống va đập cơ học, chống rơi từ trên cao xuống thấp, chống lở, xập, sụt, trượt đất đá, biện pháp đảm bảo an toàn giàn giáo và thang, an toàn trong các lắp ghép kết cấu công trình đã

1.3.2 Biện pháp cho một số lĩnh vực có thể

a) An toàn của công tác đất và làm việc dưới sâu, trong đường hầm:

- Chống sạt lở hố đào gây ra tai nạn
- Chống lật đổ máy móc và người rơi xuống hố đào
- Chống sập, lở trong TC đường hầm
- Chống bị nhiễm khí độc khi thi công trong hầm sâu
- Giải pháp thoát hiểm, cứu hộ khi có sự cố dưới hố sâu hoặc trong hầm, ...

b) An toàn thi công trên cao:

- Lưới bảo vệ, hệ thống dàn giáo và sàn công tác ổn định, vững chắc
- Các thiết bị bảo hộ lao động cho từng cá nhân
- Lựa chọn công cụ thi công và quy trình tác nghiệp thích hợp sức lực con người khi làm việc trên cao, ...

c) An toàn sử dụng máy và thiết bị thi công:

- Kiểm tra đảm bảo tình trạng kỹ thuật của máy XD và thiết bị thi công trước khi đưa vào sử dụng trên công trường
- Kiểm tra sự cân bằng và ổn định khi máy chịu tải
- Thiết bị che chắn, rào cản vùng nguy hiểm khi máy vận hành
- Đảm bảo đủ điều kiện ánh sáng cho người và máy làm việc
- Nhắc nhở CN chấp hành quy trình vận hành và quy chế ATLĐ trong tác nghiệp SX có liên quan đến máy móc, thiết bị TC
- Thực hiện đúng quy định về bảo dưỡng máy thường xuyên và kiểm tra tình trạng kỹ thuật của máy móc, thiết bị thi công vào đầu ca làm việc, ...

d) An toàn thi công lắp ghép công trình, lắp đặt thiết bị.

- AT thiết bị cấu lắp
- AT các thiết bị phụ trợ phục vụ lắp ghép
- AT về quy trình công nghệ tập kết cấu kiện và lắp ghép
- AT cho người LĐ trong tác nghiệp lắp ghép

AN TOÀN NAM VIỆT www.antoannamviet.com

e) Tác nghiệp xếp dỡ tại kho bãi

- AT vận chuyển
- AT bốc xếp hàng hóa

f) An toàn giao thông và vận chuyển trên công trường

* **An toàn giao thông**:

- Quy hoạch các loại đường thuận lợi, tiết kiệm và an toàn
- Thiết kế các loại đường đúng quy định (khả năng chịu tải, độ dốc, bán kính quay, ...)

* **An toàn vận chuyển trên công trường (phương ngang, phẳng)**:

- An toàn thiết bị v/c
- AT tác nghiệp v/c
- Che chắn, neo buộc h/hóa đúng q/định

g) An toàn sử dụng điện trên công trường

* **Nhu cầu sử dụng điện trong thi công**:

- Lượng điện dùng nhiều
- Sử dụng nhiều loại điện thế dân xen nhau ở nhiều vị trí trên công trường, rất dễ gây mất an toàn trong SX

* **An toàn về điện trong TCXD**

- An toàn về điện trong QTXL
    - Điện động lực
    - Điện sản xuất
    - Điện chiếu sáng phục vụ SX
- An toàn điện tại xưởng SX phụ trợ, tại kho bãi
- An toàn các đường dẫn và điện chiếu sáng, điện sinh hoạt

* **Biện pháp đảm bảo an toàn về điện, gồm**:

- Bảo vệ chống điện giật
- Bảo vệ chống các tác động nhiệt
- Bảo vệ chống quá dòng
- Bảo vệ chống rò điện
- Bảo vệ chống nhiễu loạn điện áp

h) Hệ thống chống sét

- Chống sét chung trên công trường

AN TOÀN NAM VIỆT www.antoannamviet.com

- Tại các vị trí nguy hiểm về sét đánh: vị trí các kho quan trọng; các vị trí làm việc trên cao; các cần cẩu có chiều cao lớn; ...

i) Phòng chống cháy nổ

- Hệ thống phòng cháy trên toàn công trường
- Nước và thiết bị chữa cháy
  - Nước chữa cháy
  - Thiết bị chữa cháy
- Thực hiện đúng các quy định về bảo quản và sử dụng thuốc nổ trên công trường
- Xác định địa điểm dự trữ thuốc nổ, quy trình bảo quản, vận chuyển thuốc nổ, quy trình gây nổ trong TC

k) An toàn thi công trong thiết kế TĐTC

- Phân khu TC và an toàn sản xuất khi triển khai theo phương ngang:
  - Làm rõ hướng thi công, tuyến di chuyển tác nghiệp SX để tránh xung đột trên mặt bằng
  - Kiểm tra AT khi hoạt động SX trên các tầng dốc khác nhau theo phương đứng
- Phân tầng TC khi triển khai SX theo phương đứng:
  - Kiểm tra an toàn khi bố trí hoạt động SX trên các tầng dốc khác nhau theo phương đứng
  - Sự phối hợp triển khai SX của các nhà thầu trên công trường và ở từng khu vực sản xuất

l) An toàn thi công trong thiết kế mặt bằng TC

*** ATTC khi chuẩn bị MBTC trên toàn công trường**

- Hệ thống biển báo AT chung trên công trường và ở những địa điểm nguy hiểm
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy chung

*** Giải pháp AT cho từng hạng mục**
*** An toàn đặt và vận hành máy thi công**
*** An toàn ở các nhà xưởng SX phụ trợ**
*** An toàn ở các kho bãi trên công trường**

m) An toàn cho thiết bị hoặc công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ

- An toàn sử dụng TB chịu áp lực: nồi hơi áp lực; bình chứa khí nén; TB chứa khí hóa lỏng;
- An toàn sử dụng máy nâng, hạ
- Máy khoan, phá cầm tay; thiết bị thổi hơi áp lực; TB sản xuất VLXD (máy ca, máy cắt, máy gia công cốt liệu, ...)
- An toàn gia công, lắp đặt, sửa chữa, làm vệ sinh cửa kính; ...

Yêu cầu chủ đầu tư và các nhà thầu phải thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn lao động và bảo vệ môi trường xây dựng

CHƯƠNG 7: Hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, điều kiện kỹ thuật thi công và nghiệm thu

I. Tổng quan về hệ thống Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật của Việt Nam và Quốc tế.

1. Khái niệm về quy chuẩn xây dựng.

Quy chuẩn kỹ thuật: là quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý mà sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội phải tuân thủ để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác.

Quy chuẩn xây dựng (Building Code): là văn bản pháp quy kỹ thuật quy định các yêu cầu tối thiểu mang tính bắt buộc tuân thủ đối với mọi hoạt động liên quan đến xây dựng cơ bản và tình trạng sức khỏe của người ở trong công trình xây dựng.

Theo luật xây dựng thì Quy chuẩn xây dựng là các quy định bắt buộc áp dụng trong "hoạt động xây dựng"(*) do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về xây dựng ban hành.

(*) bao gồm: lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng công trình, kỹ sư xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, tiêu chuẩn kỹ năng xây dựng công trình, giám sát TCXD công trình, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng và các hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình.

Tiêu chuẩn: là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả của các đối tượng này.

Tiêu chuẩn xây dựng (Construction Standard): là những quy định nguyên tắc, nguyên lý chung, các định mức, các hướng dẫn về kinh tế - kỹ thuật cụ thể có liên quan đến hoạt động xây dựng; bao gồm những quy định thống nhất được thực hiện để có thể đối chứng trình bày dưới dạng văn bản pháp quy kỹ thuật, theo một thể thức nhất định, trong một khung cảnh nhất định, nhằm đạt được một mức độ để làm căn cứ đánh giá đối với một vấn đề kinh tế - kỹ thuật cụ thể hoặc tiềm ẩn trong xây dựng.

Theo luật xây dựng thì Tiêu chuẩn xây dựng là các quy định về chuẩn mực kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, trình tự thực hiện các công việc kỹ thuật, cách chỉ tiêu, các chỉ số kỹ thuật và các chỉ số tự nhiên được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành hoặc công nhận để áp dụng trong hoạt động xây dựng.

2. Phân loại quy chuẩn xây dựng

- Hệ thống quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam bao gồm:

  - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, ký hiệu là QCVN;
  - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, ký hiệu là QCDP.
- Quy chuẩn xây dựng có hai dạng cơ bản:
  - Quy chuẩn mục tiêu: là các quy định hướng dẫn cơ bản chung, thiết lập các yêu cầu tối thiểu hướng tới hiệu cần đạt được.
  - Quy chuẩn cụ thể: là các quy định được xây dựng trên cơ sở các mục tiêu, có bao gồm các yêu cầu cụ thể, trong trường hợp cần thiết có các hướng dẫn chi tiết rõ ràng nhằm giảm thiểu các hiểu nhầm khi áp dụng quy chuẩn.
- Hiện có các Quy chuẩn đã ban hành, gồm:
  - Quy chuẩn xây dựng Việt Nam (có 3 tập)
    - Quy chuẩn xây dựng Việt Nam Tập 1 - 1996
    - Quy chuẩn xây dựng Việt Nam Tập 2 - 1997
    - Quy chuẩn xây dựng Việt Nam Tập 3 - 1997
  - Quy chuẩn cấp thoát nước công trình xây dựng - 1999
  - Quy chuẩn xây dựng đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng - 2002
  - Quy chuẩn sử dụng năng lượng có hiệu quả - 2005

Quy chuẩn xây dựng Việt nam (kèm theo QD số 682/BXD ngày 14/12/2006).

-
  - Quy chuẩn xây dựng Việt Nam (3 tập) ban hành để cập tới những yêu cầu bắt buộc trong xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng từ các khâu khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu.
  - Quy chuẩn hệ thống cấp thoát nước trong nhà và công trình ban hành để cập tới những yêu cầu bắt buộc khi khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu hệ thống cấp thoát nước trong nhà và công trình.
  - Quy chuẩn XDCT để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng, ban hành để cập tới những yêu cầu bắt buộc khi xây dựng các công trình công cộng phải đảm bảo cho người tàn tật tiếp cận sử dụng dễ dàng.
  - Quy chuẩn xây dựng các công trình xây dựng sử dụng năng lượng có hiệu quả, ban hành quy định những yêu cầu bắt buộc để tiết kiệm năng lượng trong xây dựng.
- Trên cơ sở rà soát bộ Quy chuẩn 3 tập ban hành năm 1996 - 1997, dự kiến trong những năm tiếp theo Bộ Xây dựng ban hành các Quy chuẩn sau:
  - Quy chuẩn về quy hoạch xây dựng
  - Quy chuẩn xây dựng nhà và công trình
  - Quy chuẩn về điều kiện tự nhiên trong xây dựng
  - Quy chuẩn xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị
  - Quy chuẩn an toàn, phòng chống cháy cho công trình xây dựng
  - Quy chuẩn xây dựng các công trình giao thông
  - Quy chuẩn xây dựng các công trình thủy lợi
  - Quy chuẩn xây dựng các công trình công nghiệp
- Hệ thống tiêu chuẩn của Việt Nam bao gồm:
  - Tiêu chuẩn nhà nước: TCVN.
  - Tiêu chuẩn xây dựng: TCXD.
  - Tiêu chuẩn ngành: TCN.
- Các tiêu chuẩn xây dựng được quy định thành 2 loại hình áp dụng sau:
  - Bắt buộc áp dụng (bắt buộc toàn bộ và bắt buộc từng phần).
  - Tự nguyện áp dụng.

AN TOÀN NAM VIỆT www.antoannamviet.com

- Các tiêu chuẩn xây dựng Việt nam: được hình thành theo 11 nhánh nội dung chủ yếu, bao quát đầy đủ và toàn diện theo công nghệ quá trình xây dựng, bao gồm:

1- Những vấn đề chung: đề cập tới các vấn đề như thuật ngữ, đại lượng, số liệu, kích thước, nguyên lý, an toàn..v.v

2- Quy hoạch, khảo sát xây dựng: gồm các tiêu chuẩn để cập tới các loại hình quy hoạch, các phương pháp trắc địa, khảo sát.

3- Thiết kế công trình: tiêu chuẩn thiết kế về nhà ở, công trình công cộng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi và dầu khí.

4- Kết cấu xây dựng: tiêu chuẩn để cập từ công tác đất, nền móng, các loại kết cấu như: gạch, đá, bê tông, kim loại, gỗ...v.v.

5- Công nghệ thi công và thiết bị xây dựng: các tiêu chuẩn đề cập tới thi công nghiệm thu các loại kết cấu, công trình và một số thiết bị thi công.

6- Vật liệu xây dựng: bao gồm các tiêu chuẩn về yêu cầu kỹ thuật các loại sản phẩm VLXD như xi măng, gốm sứ, gạch ngói, bê tông, gỗ...v.v.

7- Hệ thống trang thiết bị kỹ thuật công trình xây dựng: gồm các tiêu chuẩn về thiết bị cấp thoát nước, chiếu sáng, điều hòa thông gió, sưởi, khí đốt.

8- Các phương pháp thử: gồm các tiêu chuẩn thử các loại VLXD, các chỉ tiêu khí hậu, môi trường...v.v.

9- Kinh tế, kế hoạch, tổ chức, quản lý: các tiêu chuẩn quản lý, bảo trì công trình, định giá, dự toán, đấu thầu, hợp đồng..v.v

10- Giao thông vận tải: các tiêu chuẩn xây dựng cầu, đường, hầm..v.v

11- Xây dựng thủy lợi: các tiêu chuẩn xây dựng về khảo sát, quy hoạch, nền móng, tính toán, kết cấu, vật liệu...v.v. Số tiêu chuẩn xây dựng hiện hành liên quan đến 11 nhánh nội dung trên lên có hơn 950 tiêu chuẩn (TCVN và TCXDVN). Nhìn chung các tiêu chuẩn trên đã đáp ứng phần lớn yêu cầu quản lý kỹ thuật trong xây dựng.

- Trong chương trình xây dựng hệ thống văn bản Quy chuẩn, tiêu chuẩn Bộ Xây dựng đang tập trung rà soát hoàn thiện để đến năm 2010 sẽ có khoảng 16 Quy chuẩn và 1300 tiêu chuẩn phù kín toàn bộ hoạt động quản lý kỹ thuật xây dựng.
- Cấu trúc của quy chuẩn xây dựng Việt nam có 3 cấp:
    - Mục tiêu.
    - Các yêu cầu kỹ thuật.
    - Các giải pháp kỹ thuật được chấp thuận.

3. Cấu trúc của Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

AN TOÀN NAM VIỆT www.antoannamviet.com

Mục tiêu của qui chuẩn xây dựng:

- Nhằm tạo hành lang pháp lý kỹ thuật,
- Nhằm đảm bảo quá trình phát triển xây dựng đạt hiệu quả về mọi mặt,
- Hạn chế các tác động có hại và đảm bảo các yêu cầu tối thiểu sau:
    - Bảo vệ lợi ích của toàn bộ xã hội, bao gồm: an toàn, bảo vệ sức khỏe, môi trường sống, cảnh quan, sử dụng hợp lý tài nguyên và đảm bảo an ninh, quốc phòng.
    - Đảm bảo lợi ích cho bản thân người đầu tư, sử dụng công trình, bao gồm: an toàn, tiện nghi, bảo vệ sức khỏe.

Các yêu cầu kỹ thuật của qui chuẩn xây dựng:

- Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu:

Do quy chuẩn xây dựng được áp dụng chung cho mọi nguồn vốn và mọi hình thức xây dựng, nên chỉ kiểm soát các yêu cầu tối thiểu cần đạt được và các yêu cầu tối đa không được vượt.

- Yêu cầu phải có tính khả thi:
    - Là một văn bản pháp quy nên khi quy chuẩn xây dựng được ban hành thì các quy định trong đó hoàn toàn có thể thực thi trên toàn quốc.
    - Phải kể thừa hệ thống kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành và để phù hợp với những tiến bộ về kỹ thuật, kinh tế, thì sau 4 đến 5 năm phải rà soát chỉnh sửa cho phù hợp.

Các giải pháp kỹ thuật được chấp thuận:

- Các giải pháp được nêu trong quy chuẩn xây dựng
    - Những giải pháp này dựa trên một số tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.
    - Khi một tiêu chuẩn nào trong số này được thay thế thì tiêu chuẩn được thay thế sẽ mặc nhiên được chấp thuận trong quy chuẩn xây dựng (ví dụ: TCVN 5592:1991 và TCXDVN 391:2007;...)
    - Khi có khác biệt giữa quy chuẩn xây dựng và Tiêu chuẩn thì phải tuân theo quy chuẩn xây dựng.
- Hoặc những giải pháp không được nêu trong quy chuẩn xây dựng nhưng được cấp có thẩm quyền thẩm định là đạt yêu cầu Quy chuẩn (các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn nước ngoài).
- Các thiết kế điển hình của cấu kiện, chi tiết, bộ phận xây dựng do Bộ xây dựng ban hành.

4. Phân biệt giữa qui chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng.

Điểm cơ bản để phân biệt về quản lý giữa QC & TC là:

Về thẩm quyền ban hành:

- Quy chuẩn xây dựng do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành.
- Tiêu chuẩn xây dựng:
    - Các tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam (TCXDVN) do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành;

- Các Tiêu chuẩn xây dựng liên quan đến các chuyên ngành (Y tế, giao thông, giáo dục đào tạo...v.v) có thể do các Bộ, Ngành khác ban hành sau khi có sự thoả thuận nhất trí của Bộ Xây dựng.

Về nội dung và hình thức áp dụng:

- Quy chuẩn là văn bản pháp quy kỹ thuật quy định các yêu cầu tối thiểu, các ngưỡng, các mức bắt buộc phải được tuân thủ trong mọi hoạt động xây dựng trên phạm vi toàn quốc.
- Tiêu chuẩn là văn bản kỹ thuật trong đó các nội dung quy định không được trái với Quy chuẩn; Đa phần tiêu chuẩn ban hành dưới dạng tự nguyện áp dụng, một số ít tiêu chuẩn được xếp vào loại bắt buộc áp dụng; Phạm vi áp dụng của các tiêu chuẩn phụ thuộc vào sự lựa chọn của chủ đầu tư các công trình xây dựng.

Tóm lại:

- Quy chuẩn xây dựng quy định các yêu cầu phải đạt được, các yêu cầu này có thể là tối thiểu, có thể là tối đa tùy theo từng đặc trưng công việc.
- Tiêu chuẩn xây dựng hướng dẫn cách thức để đạt được các yêu cầu của Quy chuẩn xây dựng.

5. Quan hệ giữa qui chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng.

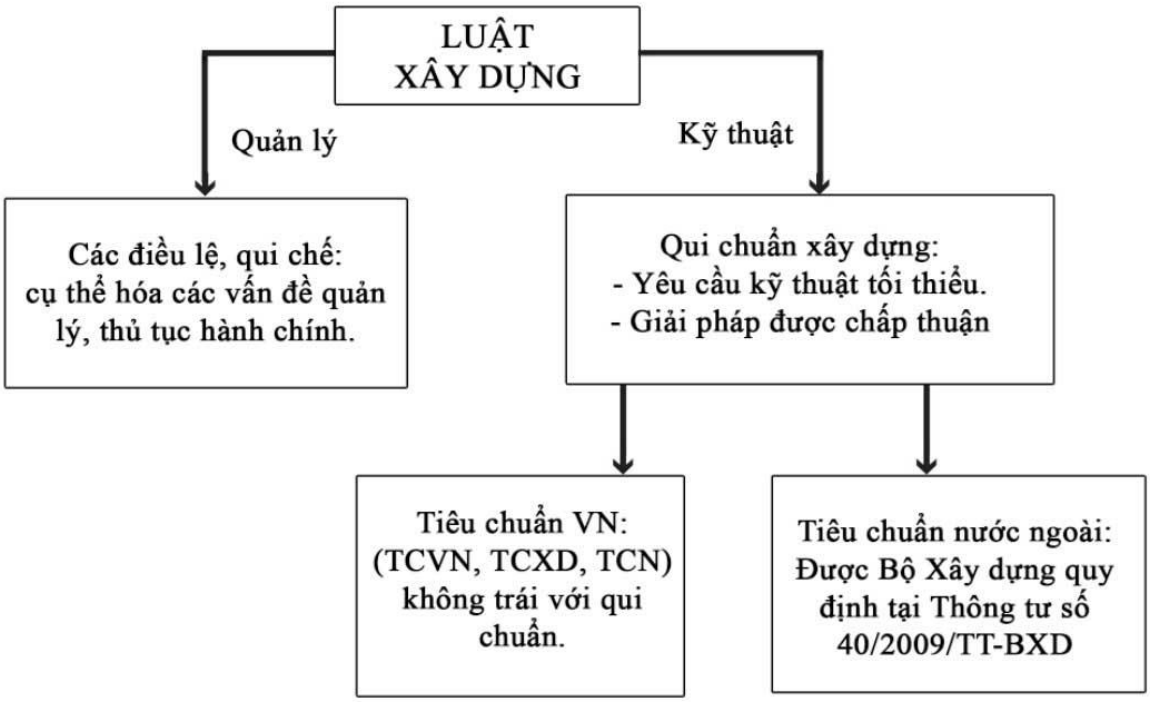

6. Một số Luật, Qui chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng của một số nước.

Nhật:

- The Building Standard Law of Japan
- Building Standard Law
- Building Standard Law Enforcement Order
- Building Standard Law Regulations
- Fire Service Law
- Water Supply Law
- Public Sewerage Law
- Electric Utility Industry Law
- Gas Industry Law, ...

Cộng đồng Châu Âu (Euro):

- ECE compendium of model provisions for Building regulations ECE Eurocode 2- Eurocode 9.

Mỹ:

- Uniform Building Code 1991
- The BOCA National Building Code 1990(1)
- Standard Building Code 1988(2)

Canada:

- National Building Code of Canada 1990
- National Fire Code of Canada 1990
- Canadian Plumbing Code 1990
- Canadian farm Building Code 1990Canadian Housing Code 1990

Úc:

- Building code of Australia (1990)
- National plumbing and drainage code
- Housing Code

NiuDilân: The Building Regulations 1992

Malaisia: Uniform Building By-Law 1984

Philippin: National Building code of the Philippines

Singapo:

- Building control Act
- Planning Act

Ấn độ: National Building code of India 1983

- Thái lan: TIS

AN TOÀN NAM VIỆT www.antoannamviet.com

- Indonesia: SNI
- Malaysia: MS
- Singapore: SS, CP
- Philippines: PNS
- Trung quốc: GB,GBJ,JG
- Nhật: JS
- Nga: SNP, GOST, GOSTR, SN, SP, RSD, VSN
- Anh: BS, CP
- Mỹ: ACI, AISC, ASCE, NIST
- Pháp: NF, ĐTU
- Đức: DIM
- Euro: EN, EUROCODES
- TCVN,TCXD.
- ISO (INTERNATIONAL ORGANIZATION FOR TANDARDIZATION - Tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hoá;
- IEC (International Electrotechnical Commission) - Uỷ ban điện kỹ thuật quốc tế.
- ASTM (American Society for Testing and Materials) - Hiệp hội thử nghiệm và vật liệu Hoa Kỳ;
- ANSI (American National Standards Institute) - Viện tiêu chuẩn quốc gia Hoa Kỳ;
- JIS (Japanese Industrial Standard) - Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật bản;
- SSPC (Steel Structures Painting Council) - Hiệp hội Sơn kết cấu thép.
    - Khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài và các giải pháp khoa học tiến bộ.
    - Khi áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài nhất thiết phải đảm bảo tính đồng bộ, tính hệ thống của tiêu chuẩn, đảm bảo mục tiêu an toàn mà qui chuẩn đã qui định (ngoại trừ các tiêu chuẩn bắt buộc).

7. Hệ thống tiêu chuẩn của Việt Nam.

1- Các tiêu chuẩn về quản lý chất lượng và tổ chức thi công: TCXDVN 371: 2006 - Nghiệm thu chất lượng thi công CTXD.

2- Các tiêu chuẩn về công tác trắc địa và khảo sát: TCXDVN 351: 2005 - Quy trình kỹ thuật quan trắc chuyển dịch ngang nhà và công trình

3- Các tiêu chuẩn về thi công cọc và nền móng công trình: TCXDVN 326: 2004 - Cọc khoan nhồi. Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu.

4- Các tiêu chuẩn về thi công kết cấu gạch đá: TCVN 4085: 1985 - Kết cấu gạch đá. Quy phạm thi công và nghiệm thu.

5- Các tiêu chuẩn về thi công kết cấu bê tông và bê tông cốt thép:

- TCVN 4453: 1995 - Kết cấu bê tông cốt thép toàn khối. Quy phạm thi công và nghiệm thu.
- TCXDVN 305: 2004 - Bê tông khối lớn. Quy phạm thi công và nghiệm thu.

6- Các tiêu chuẩn về thi công kết cấu thép và kim loại:

- TCXDVN 330: 2004 - Nhôm hợp kim định hình dùng trong xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm

7- Các tiêu chuẩn về thi công lắp đặt thiết bị và hệ thống kỹ thuật:

- TCVN 7447-5-51: 2004 - Hệ thống lắp đặt điện của các toà nhà. Phần 5-51: Lựa chọn và lắp đặt thiết bị điện. Quy tắc chung

8- Các tiêu chuẩn về thi công nhà cao tầng:

- TCXD 194: 2006 - Nhà cao tầng. Công tác khảo sát địa kỹ thuật
- TCXD VN 296: 2004 - Dàn giáo - Các yêu cầu về an toàn

9- Các tiêu chuẩn về hoàn thiện và bảo vệ công trình:

- TCXD VN 303: 2004 - Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu. Phần hoàn thiện và nghiệm thu
- TCXD VN 303: 2006 - Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu. Phần hoàn thiện và nghiệm thu

II. Qui định về lựa chọn và áp dụng QC & TC trong Xây dựng.

1. Tính pháp lý và phạm vi áp dụng.

- Luật xây dựng là văn bản pháp luật cao nhất nhằm quản lý trong ngành xây dựng. Văn bản quy phạm pháp lý (Nghị định, quyết định, thông tư) là văn bản dưới luật, quy định cụ thể các thủ tục hành chính, các chính sách cụ thể, các chi phí điều kiện để áp dụng trong quá trình thực hiện các hoạt động XDCT.
- Quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng văn bản để bắt buộc áp dụng.
- Quy chuẩn xây dựng là văn bản pháp quy nêu các yêu cầu về kỹ thuật tối thiểu bắt buộc phục vụ cho việc xây dựng, là các quy định bắt buộc áp dụng trong mọi hoạt động xây dựng (quy hoạch, đầu tư xây dựng, mọi nguồn vốn đầu tư, mọi hình thức xây dựng (Pháp chế - bắt buộc):
    - Là cơ sở kỹ thuật cho việc lập dự án đầu tư; Thiết kế; Thẩm định và phê duyệt các dự án về quy hoạch, đo đạc thiết kế kỹ thuật công trình xây dựng.
    - Là quy phạm để kiểm tra quá trình thực hiện xây dựng và nghiệm thu, cho phép sử dụng công trình cho đúng chức năng, tính năng, các quy định về an toàn.

- Tiêu chuẩn được áp dụng trên nguyên tắc tự nguyện. Toàn bộ hoặc một phần tiêu chuẩn cụ thể trở thành bắt buộc áp dụng khi được viện dẫn trong văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật.
- Tiêu chuẩn cơ sở được áp dụng trong phạm vi quản lý của tổ chức công bố tiêu chuẩn.
- Việc tự nguyện áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật ở đây không có nghĩa "tha hồ" mà tự nguyện lựa chọn tiêu chuẩn (có thể là tiêu chuẩn nước ngoài) để đăng ký, công bố trong việc sản xuất và ký kết hợp đồng.
- Tiêu chuẩn xây dựng (khuyến khích - tự nguyện): Do chủ đầu tư quyết định lựa chọn trên cơ sở tư vấn dự án soạn thảo đề trình.
    - Là cơ sở để lập, thẩm tra, phê duyệt thiết kế chi tiết công trình xây dựng.

  - Là cơ sở để kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, cho phép công trình được tiếp tục xây dựng khi chuyển giao hay đưa vào sử dụng nhằm đảm bảo công trình an toàn về kết cấu ổn định và an toàn trong sử dụng.
- Các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn nước ngoài có thể được áp dụng vào khảo sát, thiết kế, thi công các công trình xây dựng ở Việt Nam, những tiêu chuẩn này đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, quy định trong qui chuẩn xây dựng.
- Lưu ý: Khi lựa chọn áp dụng tiêu chuẩn cho một dự án thì phải đồng bộ từ thiết kế, chế tạo, lắp dựng và bảo trì.

2. Các lĩnh vực phải áp dụng TCXDVN

Những nội dung thuộc 8 lĩnh vực sau đây đã được Bộ Xây dựng ban hành thành Quy chuẩn, một số tiêu chuẩn chưa được ban hành thành tiêu chuẩn thì cũng được coi là: "Bắt buộc áp dụng":

-
  - Số liệu khí hậu xây dựng.
  - Số liệu địa chất thủy văn.
  - Phân vùng động đất.
  - Phòng chống cháy, nổ.
  - Phòng chống sét.
  - Bảo vệ môi trường.
  - An toàn công trình dưới tác động khí hậu địa phương.
  - An toàn lao động.

- Tính bắt buộc có thể được quy định cho toàn bộ hoặc từng phần của tiêu chuẩn xây dựng.
- Nếu là tiêu chuẩn xây dựng bắt buộc áp dụng, thì tại phần đầu của tiêu chuẩn sẽ được ghi: Tiêu chuẩn này là bắt buộc áp dụng (TCXDVN296:2004, TCVN 5308:1991...). Nếu bắt buộc áp dụng từng phần của tiêu chuẩn, thì tại phần đó sẽ ghi: (bắt buộc áp dụng) trong dấu ngoặc đơn (TCVN 4453:1995,...).
- Đối với những nội dung tiêu chuẩn xây dựng là bắt buộc áp dụng thì tất cả mọi công trình xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam đều phải áp dụng trong quá trình khảo sát, quy hoạch, thiết kế, thi công và nghiệm thu.
- Đối với những nội dung thuộc lĩnh vực bắt buộc áp dụng nhưng chưa có tiêu chuẩn Việt Nam thì được phép áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài, nhưng phải phù hợp với điều kiện của Việt Nam (Thông tư số 40/2009/TT-BXD). Cũng có thể áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng khác tương tự của nước ngoài nhưng phải có trình độ kỹ thuật và an toàn bằng hoặc cao hơn tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

- Những tiêu chuẩn xây dựng không thuộc các lĩnh vực bắt buộc áp dụng được coi là tiêu chuẩn tự nguyện áp dụng. Bộ Xây dựng khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn xây dựng thuộc lĩnh vực tự nguyện áp dụng.
- Các tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam về vật liệu xây dựng được khuyến khích triệt để áp dụng. Trong trường hợp tiêu các tiêu chuẩn xây dựng trong nước về lĩnh vực này thì có thể áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài, nhưng phải được chấp thuận.

3. Áp dụng TCXDV nước ngoài

AN TOÀN NAM VIỆT www.antoannamviet.com

Nguyên tắc áp dụng TCXDV nước ngoài (Thông tư số 40/2009/TT-BXD).

- Đảm bảo tạo ra các CT, Sản phẩm xây dựng:
  - An toàn sử dụng cho người, CT và CT lân cận;
  - Đáp ứng các quy định của VN về an toàn sinh thái, bảo vệ môi trường;
  - Đạt hiệu quả kinh tế kỹ thuật.
- Đảm bảo tính đồng bộ và khả thi trong quá trình XD từ thiết kế, thi công, nghiệm thu đối với CT và trong tổng thể CT.
- Phải sử dụng các số liệu đầu vào có liên quan đến điều kiện đặc thù VN được quy định trong các QCXDVN thuộc các lĩnh vực sau:
  - Điều kiện tự nhiên, khí hậu;
  - Điều kiện địa chất, thủy văn;
  - Phân vùng động đất, cấp động đất;
- TCXD nước ngoài áp dụng phải đáp ứng với yêu cầu và quy định của QCXDVN hiện hành.
  - Điều kiện TCXDN được lựa chọn áp dụng.
  - Bảo đảm các nguyên tắc áp dụng;
  - Phải là những TCXD hiện hành;
  - Các quy định phải đáp ứng với QCXDVN hiện hành;
  - Phải được CDT xem xét lựa chọn và quyết định áp dụng trước khi lập hồ sơ thiết kế cơ sở;
  - Đối với CT sử dụng vốn NSNN, khi có TCXDVN thuộc lĩnh vực liên quan phải sử dụng tiêu chuẩn của VN. Trong trường hợp đặc biệt áp dụng TCXDV nước ngoài cần được BXD hoặc Bộ quản lý các TCXD chấp thuận. Thẩm quyền chấp thuận.
  - Người quyết định đầu tư: xem xét và có thẩm quyền quyết định áp dụng tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài.

II. Điều kiện kỹ thuật thi công và nghiệm thu

1- Cùng với Nghị định về quản lý chất lượng CTXD số 15/2012/NĐ - CP thì điều kiện kỹ thuật thi công và nghiệm thu TCXDVN - 371 - 2006 "Tiêu chuẩn nghiệm thu chất lượng thi công công trình xây dựng (CTXD)" được ban hành là cơ sở quản lý chất lượng (QLCL) xây dựng hiệu quả ở thời kỳ kinh tế thị trường và hội nhập.

2- Trong tiêu chuẩn kỹ thuật về thi công và nghiệm thu, cách thức nghiệm thu chất lượng thi công CTXD đã tuân theo nguyên tắc cơ bản của QLCL bằng cách phân chia việc nghiệm thu thành từng phần từ đơn giản đến phức tạp, từ quy mô nhỏ đến lớn, từ cụ thể đến tổng hợp: nghiệm thu công việc, nghiệm thu bộ phận và nghiệm thu hạng mục.

3- Hạng mục công trình gồm nhiều bộ phận công trình, bộ phận công trình là kết quả hoàn thành nhiều công việc thi công cụ thể. Chắc hẳn này là đảm bảo điều kiện kỹ thuật chắc chắn đầu ra vào mọi quá trình thi công đáp ứng yêu cầu, nghĩa là đầu vào cho mọi quá trình thi công tiếp sau đó cơ sở đảm bảo chất lượng. Đi từng công việc đạt yêu cầu kỹ thuật phải được nghiệm thu, để từ đó là từng bộ phận đạt yêu cầu đến hạng mục công trình và công trình đạt yêu cầu.

4 - Trong quá trình TCXD công trình, người kỹ sư và đơn giám sát phải thực hiện các bước nghiệm thu sau:

- Nghiệm thu vật liệu, thiết bị, sản phẩm chế tạo sẵn trước khi sử dụng vào công trình.
- Nghiệm thu từng công việc xây dựng;
- Nghiệm thu bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn TCXD;
- Nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng, công trình xây dựng để bàn giao đưa vào sử dụng..."

Nhưng lại không xác định rõ các khái niệm hạng mục CT, bộ phận CT và công việc XD.

- Hạng mục công trình được hiểu là một công trình xây dựng cụ thể có đủ điều kiện để thi công độc lập, khi hoàn thành thi công có thể vẫn hành độc lập. Ví dụ một đoạn đường, một ngôi nhà (hoặc một số ngôi nhà) chung với cơ sở hạ tầng tương ứng... có thể là một hạng mục. Một công trình xây dựng có thể chỉ có một hạng mục hoặc có nhiều hạng mục.
- Bộ phận công trình được hiểu là các phần của một hạng mục công trình và được phân theo tính năng, theo công nghệ xây dựng...

5 - Với cách phân chia bộ phận và công việc của công trình dân dụng và công nghiệp như trên là rất sơ sài, trong khi cách phân chia bộ phận và công việc theo tiêu chuẩn Trung Quốc GB 50300 - 2001 là khá chi tiết và cụ thể.

6 - Thi công và nghiệm thu kết quả thi công là một việc thường xuyên diễn ra trong quá trình TCXD công trình. Nếu phân chia quá trình nghiệm thu hợp lý sẽ tạo sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên tham gia XDCT, đặc biệt phát huy tính chủ động tự đảm bảo chất lượng thi công của nhà thầu, trách nhiệm giám sát của chủ đầu tư, phù hợp yêu cầu chung và tiến độ và chất lượng thi công.

7 - Trong các bước nghiệm thu, bước nào cũng cần kiểm tra hồ sơ, tài liệu. Thông thường hồ sơ là rất nhiều. Không qui định cụ thể sẽ rơi vào tình trạng có hồ sơ được kiểm tra đi kiểm tra lại bằng nhiều người, nhiều lần. Hoặc ngược lại khi đơn nhận thầu quá kiểm tra không xuể nên cũng làm chiếu lệ. Do vậy cũng cần có bảng chi rõ nội dung kiểm tra của từng loại hồ sơ trong từng bước nghiệm thu.

8 - Trong nghiệm thu không phải bao giờ giữa bên thi công và bên đánh giá cũng thống nhất. Có thể có chi tiết, có chỗ bên thi công làm đúng nhưng bị đánh giá sai là không đạt. Bên thi công có quyền tự chịu trách nhiệm và không sửa. Ngược lại cũng có chi tiết, có chỗ thi công làm sai không bị phát hiện kịp thời, vẫn được nghiệm thu. Nhưng sau này mới phát hiện ra. Giới hạn và không bị ảnh hưởng sai khác khách quan như vậy cũng cần quan tâm và qui định cách xử lý.

IV. Đánh giá sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng

- Đánh giá sự phù hợp công trình xây dựng là việc đánh giá, xác nhận công trình hoặc hạng mục, bộ phận công trình xây dựng được thiết kế, TCXDV phù hợp với QC, TC kỹ thuật và các yêu cầu kỹ thuật áp dụng cho công trình và hoạt động này gọi là kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.
- Việc đánh giá và khẳng định sự phù hợp có các hình thức sau:

- Đánh giá của bên thứ nhất: nhà thầu luôn luôn phải tự khẳng định về chất lượng vật liệu, thiết bị do mình cung cấp, chất lượng các công tác xây dựng, các hạng mục công trình và công trình xây dựng do mình thực hiện. Nhà thầu tự đánh giá sản phẩm xây dựng của mình bằng chứng biên bản nghiệm thu nội bộ.
- Đánh giá của bên thứ hai: chủ đầu tư, người sử dụng tiến hành đánh giá, kết quả của họ đồng ý hay không chính là đánh giá công trình xây dựng, kết quả hoạt động này sẽ là sự thừa nhận của mình.
- Đánh giá của bên thứ ba: Để bảo đảm sự khách quan cần phải có một tổ chức trung gian tiến hành đánh giá chất lượng, giám định hay kiểm tra, chứng nhận, công nhận. Kết quả của các quá trình này là căn cứ chính để chủ đầu tư và các đối tượng được đánh giá.

Nguyên tắc chung về kiểm tra sự phù hợp về chất lượng:

- Tổ chức chứng nhận có trách nhiệm lập đề cương thực hiện việc kiểm tra, đánh giá sự phù hợp về chất lượng trong vòng phạm vi và nội dung chứng nhận để chủ đầu tư thoả thuận.
- Phạm vi kiểm tra tập trung vào công trình, hạng mục công trình hoặc bộ phận công trình được chứng nhận.
- Nội dung kiểm tra phải phù hợp với nội dung chứng nhận, có thể bao gồm kiểm tra chất lượng thiết kế, chất lượng thi công thông qua hồ sơ, tài liệu hoàn thành công trình.
- Trong quá trình kiểm tra nếu có nghi ngờ tổ chức chứng nhận đề nghị chủ đầu tư và các nhà thầu có liên quan làm rõ. Trường hợp cần thiết, có thể thực hiện kiểm tra lại hoặc kiểm định; thí nghiệm, quan trắc đối chứng.
- Sau từng đợt kiểm tra, tổ chức chứng nhận phải có văn bản thông báo kịp thời về kết quả kiểm tra gửi cho CDT và các bên có liên quan.

Yêu cầu về điều kiện năng lực của tổ chức thực hiện việc chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng:

- Đảm bảo đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật phù hợp với loại, cấp công trình được chứng nhận và nội dung chứng nhận;
- Không có vi phạm trong hoạt động xây dựng trong 3 năm gần nhất.
- Đảm bảo về tính độc lập, khách quan trong việc thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng.
    - Không tham gia khảo sát, thiết kế, thi công, cung ứng vật tư, thiết bị, quản lý dự án và giám sát thi công cho chính đối tượng được chứng nhận;
    - Độc lập về tổ chức và tài chính: không có cổ phần hoặc vốn góp trên 50% của nhau đối với chủ đầu tư và không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% của nhau đối với các nhà thầu khảo sát, thiết kế, thi công, tư vấn giám sát thi công và tư vấn quản lý dự án.

Giấy chứng nhận bao gồm:

- Tên tổ chức chứng nhận;
- Các căn cứ thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng;
- Tên công trình, hạng mục công trình hoặc bộ phận công trình được chứng nhận sự phù hợp về chất lượng;
- Phạm vi và nội dung chứng nhận;
- Kết luận sự phù hợp về chất lượng;

- Chữ ký và dấu của người đại diện theo pháp luật của tổ chức chứng nhận.
- Người làm quản lý về quy hoạch, về đầu tư, về cấp giấy phép xây dựng luôn luôn phải ghi rõ quy chuẩn xây dựng và những nội dung nào đã được kiểm tra, thẩm định và kết luận chất lượng các sản hầm xây dựng.
- Các tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, quản lý xây dựng, chủ dự án, chủ công trình phải hiểu ít nhất những điều quan trọng của quy chuẩn xây dựng, tùy theo từng công việc mà phải lấy tiêu chuẩn xây dựng làm cơ sở kỹ thuật cụ thể để tính toán, kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng công tác tư vấn công trình, công tác thi nghiệm và quản lý xây lắp công trình.

Lưu ý: Giấy chứng nhận phải được thoả thuận là có thời hạn theo niên đại bảo trì công trình và bảo trì công trình thì phải tổ chức chứng nhận lại trước khi sử dụng công trình.

V. Vận dụng QC và TC trong thi công và nghiệm thu

- Người làm quản lý về quy hoạch, về đầu tư, về cấp giấy phép xây dựng luôn luôn phải nghiên cứu kỹ quy chuẩn xây dựng và dùng nó để kiểm tra, thẩm định và kết luận chất lượng các sản phẩm xây dựng.
- Các tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, quản lý xây dựng, chủ dự án, chủ công trình phải hiểu biết những điều quan trọng của quy chuẩn xây dựng, tùy theo từng công việc mà phải lấy tiêu chuẩn xây dựng làm cơ sở kỹ thuật cụ thể để tính toán, kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng công tác tư vấn thiết kế, công tác thi nghiệm và quản lý xây lắp công trình.

VI. Tiêu chuẩn nghiệm thu chất lượng thi công công trình

1. Một số khái niệm.

1- Chất lượng công trình xây dựng.

2- Thi công xây dựng công trình.

3- Nghiệm thu.

4- Nghiệm thu nội bộ.

5- Kiểm nghiệm.

6- Mẫu kiểm nghiệm.

7- Sửa chữa.

8- Làm lại.

9- Bàn về hoàn công.

2. Tiêu chuẩn nghiệm thu chất lượng TCXD công trình.

1. Chất lượng TCXD.

AN TOÀN NAM VIỆT www.antoannamviet.com

Là tổng hợp tất cả các đặc tính phản ánh công trình xây dựng đã được thi công đáp ứng được các yêu cầu trong thiết kế, các qui định của tiêu chuẩn, qui phạm thi công và nghiệm thu kỹ thuật chuyên môn liên quan và các điều giao ước trong hợp đồng về các mặt mỹ thuật, độ bền vững, công năng sử dụng và bảo vệ môi trường, được thể hiện ra bên ngoài hoặc được dấu kín bên trong từng kết cấu hay bộ phận công trình.

2. TCXD công trình

Là các công việc xây dựng và lắp đặt thiết bị đối với các công trình xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời, tu bổ, phục hồi; phá dỡ công trình; bảo hành, bảo trì công trình.

3. Nghiệm thu

Là việc kiểm tra, xem xét, đánh giá để đưa ra kết luận về chất lượng TCXD công trình sau khi đã hoàn thành so với thiết kế, tiêu chuẩn, qui phạm kỹ thuật có liên quan.

4. Nghiệm thu nội bộ

Là công việc nghiệm thu trong nội bộ của nhà thầu đối với đối tượng đã hoàn thành trước khi gửi phiếu yêu cầu nghiệm thu tới chủ đầu tư.

5. Kiểm nghiệm

Là việc đo lường, thử nghiệm các tính chất, tính năng đặc trưng cho chất lượng của đối tượng cần nghiệm thu;

6. Mẫu kiểm nghiệm.

Là mẫu lấy ngay từ bản thân đối tượng nghiệm thu để thí nghiệm. Kết quả thí nghiệm các mẫu này là cơ sở để đánh giá và đưa ra kết luận về chất lượng đối tượng nghiệm thu.

7. Sửa lại.

Là việc sửa chữa, chỉnh sửa, hoàn thiện lại đối với những công việc xây dựng, máy móc, thiết bị khi phát hiện ra có những khiếm khuyết hoặc sai phạm nhỏ không phù hợp với qui định của tiêu chuẩn, thiết kế.

8. Làm lại.

Là việc chế tạo lại, thi công lại, thay thế mới đối với những công việc xây dựng, máy móc, thiết bị phải dỡ bỏ, loại bỏ khi phát hiện ra có những sai phạm lớn không phù hợp với qui định của tiêu chuẩn, thiết kế.

9. Bàn về hoàn công.

AN TOÀN NAM VIỆT www.antoannamviet.com

Bản vẽ hoàn công là bản vẽ bộ phận công trình, công trình xây dựng hoàn thành, trong đó thể hiện kích thước thực tế so với kích thước thiết kế, được lập trên cơ sở bản vẽ thiết kế thì công đã được phê duyệt. Mọi sửa đổi so với thiết kế được duyệt phải được thể hiện trên bản vẽ hoàn công. Trong trường hợp các kích thước, thông số thực tế thi công của bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng đúng với các kích thước, thông số của thiết kế bản vẽ thi công thì bản vẽ thiết kế đó là bản vẽ hoàn công.

CHƯƠNG 8: LUẬT LAO ĐỘNG VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

1. Luật lao động

Lao động là hoạt động quan trọng nhất của con người, tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần của xã hội. Lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao là nhân tố quyết định sự phát triển của đất nước.

Pháp luật lao động quy định quyền và nghĩa vụ của người lao động và của người sử dụng lao động, các tiêu chuẩn lao động, các nguyên tắc sử dụng và quản lý lao động, góp phần thúc đẩy sản xuất, vì vậy có vị trí quan trọng trong đời sống xã hội và trong hệ thống pháp luật của quốc gia.

Kế thừa và phát triển pháp luật lao động của nước ta từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay, Bộ luật lao động thể chế hóa đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam và cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 về lao động, về sử dụng và quản lý lao động.

Bộ luật lao động bảo vệ quyền làm việc, lợi ích và các quyền khác của người lao động, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động, tạo điều kiện cho mối quan hệ lao động được hài hòa và ổn định, góp phần phát huy trí sáng tạo và tài năng của người lao động trí óc và lao động chân tay, của người quản lý lao động, nhằm đạt năng suất, chất lượng và tiến bộ xã hội trong lao động, sản xuất, dịch vụ, hiệu quả trong sử dụng và quản lý lao động, góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

1.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Luật Lao động

Bộ Luật Lao động điều chỉnh quan hệ lao động giữa người lao động và người lao động cùng an lương với người sử dụng lao động và các quan hệ xã hội liên quan trực tiếp với quan hệ lao động.

Bộ Luật Lao động được áp dụng đối với mọi người lao động, mọi tổ chức, cá nhân sử dụng lao động theo hợp đồng lao động, thuộc các thành phần kinh tế, các hình thức sở hữu.

Bộ luật này cũng được áp dụng đối với người học nghề, người giúp việc gia đình và một số loại lao động khác được quy định tại Bộ luật này.

Công dân Việt Nam làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, tại các cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc quốc tế đóng trên lãnh thổ Việt Nam và người nước ngoài làm việc trong các doanh nghiệp, tổ chức và cho cá nhân Việt Nam trên lãnh thổ Việt Nam đều thuộc phạm vi áp dụng của Bộ luật này và các quy định khác của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

Chế độ lao động đối với công chức, viên chức Nhà nước, người giữ các chức vụ được bầu, cử hoặc bổ nhiệm, người thuộc lực lượng vũ trang quân đội nhân dân, công an nhân dân, người thuộc các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị, xã hội khác và xã viên hợp tác xã do các văn bản pháp luật khác quy định nhưng tùy từng đối tượng mà được áp dụng một số quy định trong Bộ luật này.

1.2. Kết cấu Bộ Luật Lao động

Bộ Luật Lao Động sửa đổi năm 2002 với 17 chương, 198 điều quy định cụ thể các quan hệ lao động và các quan hệ xã hội liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động.

1.3. Quyền hạn của người sử dụng lao động

a) Tuyển chọn lao động, bố trí, điều hành lao động theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh; có quyền khen thưởng và xử lý các vi phạm kỷ luật lao động theo quy định của pháp luật lao động.

b) Cử đại diện để thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể trong doanh nghiệp hoặc thỏa ước lao động tập thể ngành; có trách nhiệm cộng tác với công đoàn bàn bạc các vấn đề về quan hệ lao động, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

c) Yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động.

d) Trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức dịch vụ việc làm để tuyển chọn lao động.

e) Tăng giảm lao động phù hợp với nhu cầu sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

1.4. Nghĩa vụ của người sử dụng lao động

a) Thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể và những thỏa thuận khác với người lao động.

b) Tôn trọng danh dự, nhân phẩm và đối xử đúng đắn với người lao động.

1.5. Trách nhiệm của người sử dụng lao động

AN TOÀN NAM VIỆT www.antoannamviet.com

a) Trong trường hợp do thay đổi cơ cấu hoặc công nghệ mà người lao động đã làm việc thường xuyên trong doanh nghiệp từ một năm trở lên bị mất việc làm, thì người sử dụng lao động có trách nhiệm đào tạo lại họ để tiếp tục sử dụng vào những chỗ làm việc mới; nếu không thể giải quyết được việc làm mới, phải cho người lao động thôi việc thì phải trả trợ cấp mất việc làm, cứ mỗi năm làm việc trả một tháng lương, nhưng thấp nhất cũng bằng hai tháng lương.

b) Khi cần cho nhiều người thôi việc theo điểm a khoản này, người sử dụng lao động phải công bố danh sách, căn cứ vào nhu cầu của doanh nghiệp và thâm niên làm việc tại doanh nghiệp, tay nghề, hoàn cảnh gia đình và những yếu tố khác của từng người để lần lượt cho thôi việc, sau khi đã trao đổi, nhất trí với Ban chấp hành công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp theo thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 38 của Bộ luật lao động. Việc cho thôi việc chỉ được tiến hành sau khi đã báo cho cơ quan lao động địa phương biết.

c) Các doanh nghiệp phải lập quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm theo quy định của Chính phủ để kịp thời trợ cấp cho người lao động trong doanh nghiệp bị mất việc làm.

d) Doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức nâng cao trình độ nghề nghiệp cho người lao động và đào tạo lại trước khi chuyển người lao động sang làm nghề khác trong doanh nghiệp.

2. Hợp đồng lao động

Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.

2.1. Các loại hợp đồng hợp đồng

2.1.1. Hợp đồng lao động không xác định thời hạn

Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng.

2.1.2. Hợp đồng lao động xác định thời hạn

Hợp đồng lao động xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong khoảng thời gian từ đủ 12 tháng đến 36 tháng.

2.1.3. Hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng

Khi hợp đồng lao động quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này hết hạn mà người lao động vẫn tiếp tục làm việc thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng lao động hết hạn, hai bên phải ký kết hợp đồng lao động mới; nếu không ký kết hợp đồng lao động mới, hợp đồng đã giao kết trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Trường hợp hai bên ký kết hợp đồng lao động mới là hợp đồng xác định thời hạn thì cũng chỉ được ký thêm một thời hạn, sau đó nếu người lao động vẫn tiếp tục làm việc thì phải ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn. (Khoản 2 - Điều 27 - Luật Lao động).

Không được giao kết hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định mà có thời hạn dưới 12 tháng để làm những công việc có tính chất thường xuyên từ 12 tháng trở lên, trừ trường hợp phải tạm thời thay thế người lao động đi làm nghĩa vụ quân sự, nghỉ theo chế độ thai sản hoặc nghỉ việc có tính chất tạm thời khác. (Khoản 3 - Điều 27 - Luật Lao động).

2.2. Nội dung hợp đồng (Điều 29)

Hợp đồng lao động phải có những nội dung chủ yếu sau đây:

- Công việc phải làm, thời giờ làm việc
- Thời giờ nghỉ ngơi
- Địa điểm làm việc
- Tiền lương
- Thời hạn hợp đồng
- Điều kiện về an toàn lao động, vệ sinh lao động
- Bảo hiểm xã hội đối với người lao động

Trong trường hợp một phần hoặc toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động quy định quyền lợi của người lao động thấp hơn mức được quy định trong pháp luật lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động đang áp dụng trong doanh nghiệp hoặc hạn chế các quyền khác của người lao động thì một phần hoặc toàn bộ nội dung đó phải được sửa đổi, bổ sung.

Trong trường hợp phát hiện hợp đồng lao động có nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, thì Thanh tra lao động hướng dẫn và yêu cầu các bên sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Nếu các bên không sửa đổi, bổ sung thì Thanh tra lao động có quyền buộc hủy bỏ các nội dung đó; quyền, nghĩa vụ và lợi ích của các bên được giải quyết theo quy định của pháp luật.

2.3. Ký kết hợp đồng lao động

a) Hợp đồng lao động được ký kết bằng văn bản và phải được làm thành hai bản, mỗi bên giữ một bản. Đối với một số công việc có tính chất tạm thời mà thời hạn dưới ba tháng hoặc đối với lao động giúp việc gia đình thì các bên có thể giao kết bằng miệng. Trong trường hợp giao kết bằng miệng, thì các bên đương nhiên phải tuân theo các quy định của pháp luật lao động.

b) Hợp đồng lao động được giao kết trực tiếp giữa người lao động với người sử dụng lao động.

c) Hợp đồng lao động có thể được ký kết giữa người sử dụng lao động với người được ủy quyền hợp pháp thay mặt cho nhóm người lao động; trong trường hợp này hợp đồng có hiệu lực như ký kết với từng người.

d) Người lao động có thể giao kết một hoặc nhiều hợp đồng lao động, với một hoặc nhiều người sử dụng lao động, nhưng phải bảo đảm thực hiện đầy đủ các hợp đồng đã giao kết.

e) Công việc theo hợp đồng lao động phải do người giao kết thực hiện, không được giao cho người khác, nếu không có sự đồng ý của người sử dụng lao động.

f) Trong trường hợp sáp nhập, phân chia doanh nghiệp, chuyển quyền sở hữu, quyền quản lý hoặc quyền sử dụng tài sản của doanh nghiệp thì người sử dụng lao động kế tiếp phải chịu trách nhiệm tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động với người lao động cho tới khi hai bên thỏa thuận sửa đổi, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc giao kết hợp đồng lao động mới.

2.4. Hiệu lực và thay đổi nội dung của hợp đồng (Điều 33 - Bộ Luật lao động)

Hợp đồng lao động có hiệu lực từ ngày giao kết hoặc từ ngày do hai bên thỏa thuận hoặc từ ngày người lao động bắt đầu làm việc.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động, nếu bên nào có yêu cầu thay đổi nội dung hợp đồng thì phải báo cho bên kia biết trước ít nhất bảy ngày. Việc thay đổi nội dung hợp đồng lao động được tiến hành bằng cách sửa đổi, bổ sung hợp đồng lao động đã giao kết hoặc giao kết hợp đồng lao động mới. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được việc sửa đổi, bổ sung hoặc giao kết hợp đồng lao động mới thì tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động đã giao kết hoặc chấm dứt theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật này.

2.5. Thử việc của người lao động

Người sử dụng lao động và người lao động thỏa thuận về việc làm thử, thời gian thử việc, về quyền, nghĩa vụ của hai bên. Tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc ít nhất phải bằng 70% mức lương cấp bậc của công việc đó. Thời gian thử việc không được quá 60 ngày đối với lao động chuyên môn kỹ thuật cao và không được quá 30 ngày đối với lao động khác.

Trong thời gian thử việc, mỗi bên có quyền hủy bỏ thỏa thuận làm thử mà không cần báo trước và không phải bồi thường nếu việc làm thử không đạt yêu cầu mà hai bên đã thỏa thuận. Khi việc làm thử đạt yêu cầu thì người sử dụng lao động phải nhận người lao động vào làm việc chính thức như đã thỏa thuận.

2.6. Quyền của người sử dụng lao động được tạm thời chuyển người lao động làm việc khác trái nghề (Điều 34 Bộ Luật Lao động)

Khi gặp khó khăn đột xuất hoặc do nhu cầu sản xuất, kinh doanh, người sử dụng lao động được quyền tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác trái nghề, nhưng không được quá 60 ngày trong một năm.

Khi tạm thời chuyển người lao động làm việc khác trái nghề, người sử dụng lao động phải báo cho người lao động biết trước ít nhất bảy ngày, phải báo rõ thời hạn làm tạm thời và bố trí công việc phù hợp với sức khỏe và giới tính của người lao động.

Người lao động tạm thời làm công việc khác theo quy định tại khoản 1 Điều này, được trả lương theo công việc mới; nếu tiền lương của công việc mới thấp hơn tiền lương cũ thì được giữ nguyên mức tiền lương cũ trong thời hạn 30 ngày làm việc. Tiền lương theo công việc mới ít nhất phải bằng 70% mức tiền lương cũ nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định.

2.6. Tạm hoãn hợp đồng lao động

a) Hợp đồng lao động được tạm hoãn thực hiện trong những trường hợp sau đây:

- Người lao động đi làm nghĩa vụ quân sự hoặc các nghĩa vụ công dân khác do pháp luật quy định;
- Người lao động bị tạm giữ, tạm giam;
- Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận.

b) Hết thời gian tạm hoãn hợp đồng lao động đối với các trường hợp quy định tại điểm a trừ trường hợp người lao động bị tạm giữ, tạm giam; người sử dụng lao động phải nhận người lao động trở lại làm việc.

c) Việc nhận lại người lao động bị tạm giữ, tạm giam khi hết thời gian tạm hoãn hợp đồng lao động do Chính phủ quy định.

2.7. Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động (Điều 37 Bộ Luật Lao động)

Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong những trường hợp sau đây:

a) Không được bố trí theo đúng công việc, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm các điều kiện làm việc đã thỏa thuận trong hợp đồng;

b) Không được trả công đầy đủ hoặc trả công không đúng thời hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Bị ngược đãi; bị cưỡng bức lao động;

d) Bản thân hoặc gia đình thật sự có hoàn cảnh khó khăn không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng;

đ) Được bầu làm nhiệm vụ chuyên trách ở các cơ quan dân cử hoặc được bổ nhiệm giữ chức vụ trong bộ máy nhà nước;

e) Người lao động nữ có thai phải nghỉ việc theo chỉ định của thầy thuốc;

g) Người lao động bị ốm đau, tai nạn đã điều trị ba tháng liền đối với người làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng và một phần tư thời hạn hợp đồng đối với người làm việc theo hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng mà khả năng lao động chưa được hồi phục.

Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều này, người lao động phải báo cho người sử dụng lao động biết trước:

a) Đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và g: ít nhất ba ngày;

b) Đối với các trường hợp quy định tại điểm d và điểm đ: ít nhất 30 ngày nếu là hợp đồng xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng; ít nhất ba ngày nếu là hợp đồng theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng;

c) Đối với trường hợp quy định tại điểm e: theo thời hạn quy định tại Điều 112 của Bộ luật này.

Người lao động làm theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, nhưng phải báo cho người sử dụng lao động biết trước ít nhất 45 ngày; người lao động bị ốm đau, tai nạn đã điều trị sáu tháng liền thì phải báo trước ít nhất ba ngày."

2.8. Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động (Điều 38 Bộ Luật Lao động)

Người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong những trường hợp sau đây:

a) Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng;

b) Người lao động bị xử lý kỷ luật sa thải theo quy định tại Điều 85 của Bộ luật này;

c) Người lao động làm theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn ốm đau đã điều trị 12 tháng liền, người lao động làm theo hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng ốm đau đã điều trị sáu tháng liền và người lao động làm theo hợp đồng theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng ốm đau đã điều trị quá nửa thời hạn hợp đồng mà khả năng lao động chưa hồi phục. Khi sức khỏe của người lao động bình phục, thì được xem xét để giao kết tiếp hợp đồng lao động;

d) Do thiên tai, hỏa hoạn hoặc những lý do bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ, mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải thu hẹp sản xuất, giảm chỗ làm việc;

đ) Doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức chấm dứt hoạt động.

Trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo các điểm a, b và c khoản 1 Điều này, người sử dụng lao động phải trao đổi, nhất trí với Ban chấp hành công đoàn cơ sở. Trong trường hợp không nhất trí, hai bên phải báo cáo với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Sau 30 ngày, kể từ ngày báo cho cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương biết, người sử dụng lao động mới có quyền quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trường hợp không nhất trí với quyết định của người sử dụng lao động, Ban chấp hành công đoàn cơ sở và người lao động có quyền yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động theo trình tự do pháp luật quy định.

Khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, người sử dụng lao động phải báo cho người lao động biết trước:

a) Ít nhất 45 ngày đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn

b) Ít nhất 30 ngày đối với hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng

c) Ít nhất ba ngày đối với hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng.

2.9. Những trường hợp chấm dứt hợp đồng không phải báo trước (Điều 36 Bộ Luật Lao động)

- Hết hạn hợp đồng;
- Đã hoàn thành công việc theo hợp đồng;
- Hai bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng;
- Người lao động bị kết án tù giam hoặc bị cấm làm công việc cũ theo quyết định của Toà án;
- Người lao động chết; mất tích theo tuyên bố của Toà án.

2.10. Trợ cấp thôi việc (Điều 42 Bộ Luật Lao động)

Khi chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động đã làm việc thường xuyên trong doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức từ một năm trở lên, người sử dụng lao động có trách nhiệm trợ cấp thôi việc, cứ mỗi năm làm việc là nửa tháng lương, cộng với phụ cấp lương, nếu có.

Trong trường hợp người lao động bị xử lý kỷ luật sa thải do có hành vi trộm cắp, tham ô, tiết lộ bí mật công nghệ, kinh doanh hoặc có hành vi khác gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của doanh nghiệp, người lao động bị xử lý kỷ luật chuyển làm công việc khác mà tài phạm trong thời gian chưa xoá kỷ luật sẽ không được trợ cấp thôi việc.

2.11. Chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật (Điều 41 Bộ Luật Lao động)

2.11.1 Người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật

Thì phải nhận người lao động trở lại làm công việc theo hợp đồng đã ký và phải bồi thường một khoản tiền tương ứng với tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với ít nhất hai tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có).

Trong trường hợp người lao động không muốn trở lại làm việc, thì ngoài khoản tiền được bồi thường quy định tại đoạn 1 khoản này, người lao động còn được trợ cấp theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật này.

Trong trường hợp người sử dụng lao động không muốn nhận người lao động trở lại làm việc và người lao động đồng ý thì ngoài khoản tiền bồi thường quy định tại đoạn 1 khoản này và trợ cấp quy định tại Điều 42 của Bộ luật này, hai bên thoả thuận về khoản tiền bồi thường thêm cho người lao động để chấm dứt hợp đồng lao động.

2.11.2. Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật

Thì không được trợ cấp thôi việc và phải bồi thường cho người sử dụng lao động nửa tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có).

AN TOÀN NAM VIỆT www.antoannamviet.com

Trong trường hợp người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động thì phải bồi thường chi phí đào tạo (nếu có) theo quy định của Chính phủ.

Trong trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, nếu vi phạm quy định về thời hạn báo trước, bên vi phạm phải bồi thường cho bên kia một khoản tiền tương ứng với tiền lương của người lao động trong những ngày không báo trước.

2.12. Trách nhiệm của người lao động và người sử dụng lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động (Điều 41 Bộ Luật Lao động)

Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động, hai bên có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản có liên quan đến quyền lợi của mỗi bên; trường hợp đặc biệt, có thể kéo dài nhưng không được quá 30 ngày.

Trong trường hợp doanh nghiệp bị phá sản thì các khoản có liên quan đến quyền lợi của người lao động được thanh toán theo quy định của Luật phá sản doanh nghiệp.

Người sử dụng lao động ghi lý do chấm dứt hợp đồng lao động vào sổ lao động và có trách nhiệm trả lại sổ cho người lao động. Ngoài các quy định trong sổ lao động, người sử dụng lao động không được nhận xét thêm điều gì trỏ ngoài cho người lao động tìm việc làm mới.

AN TOÀN NAM VIỆT
www.antoannamviet.com